



APNIC

“Đáp ứng thử thách phân phối nguồn Internet tin cậy trong khu vực  
Châu Á Thái Bình Dương”



## **Những sự kiện nổi bật năm 2003**

Mở rộng dịch vụ đào tạo

Nâng cao quy trình phát triển chính sách

Thành lập Tổ chức Nguồn Thông số Internet (NRO)

Triển khai các chương trình nhân bản của server gốc

Những đặc điểm mới của MyAPNIC



## Nội dung

<b>Giới thiệu</b>	<b>4</b>
<b>APNIC là gì?</b>	<b>5</b>
Vai trò của APNIC là gì?	5
Cơ cấu của APNIC như thế nào?	5
<b>Hội đồng Quản trị</b>	<b>5</b>
Hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2003	6
<b>Khu vực hoạt động của APNIC</b>	<b>7</b>
<b>Tình hình thành viên</b>	<b>8</b>
Mức độ tăng trưởng số lượng thành viên vẫn tiếp tục hồi phục	8
Trung tâm Quản lý Thông tin Mạng Internet Việt Nam (VNNIC) được công nhận là một Cơ quan Đăng ký Internet Quốc gia (NIR)	9
<b>Tình hình Ban thư ký APNIC</b>	<b>9</b>
Nhân sự	9
<b>Hợp tác toàn cầu và phát triển khu vực</b>	<b>10</b>
Tổ chức Nguồn thông số Internet (NRO) và việc cải cách Cơ quan Quản lý Số Đăng ký Internet (ICANN)	10
Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới về Xã hội Thông tin (WSIS)	10
Ban thư ký Tổ chức Hỗ trợ Quản lý Địa chỉ Internet (ASO)	11
Bầu cử Hội đồng Tổ chức hỗ trợ Quản lý Địa chỉ Internet (ASO)	11
Trao đổi nhân sự giữa các Cơ quan Đăng ký Internet Quốc gia (NIR) và Cơ quan Đăng ký Internet Khu vực (RIR)	11
Hội thảo Cơ quan Đăng ký Internet Khu vực Châu Phi (AfriNIC)	11
Chương trình Tài trợ Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ Thông tin và Truyền thông PAN Asia	11
Đại diện APNIC tại các diễn đàn toàn cầu	12
Các hoạt động đào tạo	13
Các hoạt động mở rộng	15
<b>Các cuộc họp Chính sách Mở rộng của APNIC</b>	<b>15</b>
Tham dự các cuộc họp APNIC 2003	15
Dự họp và báo cáo	15
Các phiên họp về chính sách APNIC sắp tới	17
<b>Phát triển chính sách</b>	<b>17</b>
Quy trình phát triển chính sách	17
Thay đổi chính sách và các cập nhật liên quan trong năm 2003	17
<b>Phát triển thông tin liên lạc</b>	<b>19</b>
Phát triển báo cáo bằng tài liệu	19
<b>Phát triển cơ sở hạ tầng và những dự án chính</b>	<b>20</b>
Triển khai các điểm hiện diện mới và các server gốc của APNIC	20
Cơ sở hạ tầng và hệ thống hành chính	20
Trang web dành riêng cho thành viên APNIC (MyAPNIC)	20
<b>Tình trạng nguồn Internet</b>	<b>22</b>
Dự án chuyển giao đăng ký sớm (ERX)	22
Vùng địa chỉ IP thế hệ 4 (IPv4)	22
Vùng địa chỉ IP thế hệ 6 (IPv6)	24
Thông số hệ thống độc lập (AS)	25
<b>Báo cáo tài chính</b>	<b>26</b>
Báo cáo hợp nhất tình hình tài chính	26
Báo cáo hợp nhất các hoạt động	27
Báo cáo hợp nhất luồng tiền mặt	28



Tổng giám đốc APNIC, Paul Wilson

## Giới thiệu

Kính thưa các thành viên APNIC

Năm 2003 là một năm hoạt động hiệu quả, thành công và rất thú vị của APNIC, với nét nổi bật về sự gia tăng và cải thiện dịch vụ, cùng những dự án và hoạt động mới.

Năm vừa qua mức độ tăng trưởng thành viên đã hồi phục một cách khiêm tốn cùng với nhu cầu lớn đối với vùng địa chỉ IPv4. Trong năm hoạt động thứ hai này APNIC đã phân phối nhiều địa chỉ IPv4 hơn các Cơ quan đăng ký khu vực (RIR) khác, phản ánh sự tiếp tục tăng trưởng của ngành công nghiệp Internet và cơ sở hạ tầng Internet trong khu vực. Tuy nhiên, năm 2003 cũng là năm đầu tiên APNIC cung cấp được ít địa chỉ IPv6 hơn các RIR khác, đó có thể là một vấn đề đáng quan tâm của chúng ta.

Tình hình tài chính của APNIC vẫn ổn định với những nỗ lực nhằm quản lý hợp lý những đóng góp của các thành viên vì lợi ích chung của tất cả chúng ta. Mặc dù sự sụt giá của đồng đô la Mỹ trong năm 2003 dẫn đến sự gia tăng chi phí hoạt động của Ban thư ký APNIC, nhưng nó cũng mang lại nhiều lợi ích kinh doanh cho các thành viên APNIC. Doanh thu năm 2003 gần đạt mức dự tính và với sự quản lý tài chính cẩn thận, kết quả chung là ngân sách của chúng ta được cân bằng.

Nhu cầu đối với các dịch vụ thành viên của APNIC vẫn giữ ở mức cao trong năm 2003, với sự gia tăng nhỏ trong hoạt động máy chủ và sự gia tăng lớn hơn trong đào tạo. Các dịch vụ nguồn Internet tiếp tục được hợp lý hoá thông qua việc thiết lập một số điểm hiện diện PoP mới trên toàn khu vực. Tại năm điểm hiện diện mới này, server gốc DNS được triển khai như chương trình nhân bản "anycast" của các site hiện hữu (dịch vụ truyền tải thông tin từ một nút thông tin đến một số nút tiếp nhận thông tin gần nhất trong hệ thống mạng). Các server này, với chức năng cung cấp dịch vụ tương tự như trên đến bất kỳ server gốc nào, đã đạt được những cải thiện đáng kể về cả tốc độ và độ tin cậy của DNS cho nhiều vùng trong khu vực. Hiện nay APNIC đã ký thỏa thuận với nhiều trạm điều hành server gốc để tiếp tục hỗ trợ và mở rộng dịch vụ này.

Trong năm 2003, nhân viên kỹ thuật của APNIC đã làm việc rất tích cực để phát triển và đảm bảo dịch vụ cơ sở hạ tầng thông qua việc thiết lập một số điểm hiện diện PoP mới trên toàn khu vực. Tại năm điểm hiện diện mới này, server gốc DNS được triển khai như chương trình nhân bản "anycast" của các site hiện hữu (dịch vụ truyền tải thông tin từ một nút thông tin đến một số nút tiếp nhận thông tin gần nhất trong hệ thống mạng). Các server này, với chức năng cung cấp dịch vụ tương tự như trên đến bất kỳ server gốc nào, đã đạt được những cải thiện đáng kể về cả tốc độ và độ tin cậy của DNS cho nhiều vùng trong khu vực. Hiện nay APNIC đã ký thỏa thuận với nhiều trạm điều hành server gốc để tiếp tục hỗ trợ và mở rộng dịch vụ này.

APNIC còn phối hợp chặt chẽ với các RIR khác trong các tiến trình của Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới về Xã hội Thông tin (WSIS). Hội thảo chủ chốt này của Liên hợp quốc, bao gồm nhiều phiên họp trụ bị trong năm và một phiên họp thượng đỉnh tại Geneva vào tháng 12 năm ngoái, đã nêu lên nhiều vấn đề về lợi ích, tác động, và quản lý công nghệ thông tin và truyền thông trên phạm vi toàn cầu. Đương nhiên, nhiều vấn đề liên quan đến Internet, bao gồm khái niệm quản trị (governance) Internet, cũng được rất quan tâm trong suốt Hội nghị thượng đỉnh này. Thuật ngữ này – thường bị sử dụng nhằm là quản lý địa chỉ IP và tên miền – đã thu hút sự chú ý của chính phủ các quốc gia trên khắp thế giới, những người luôn có quan tâm chính đáng về tác động của Internet.

Các cơ quan đăng ký Internet khu vực đã hoạt động tích cực trong suốt hội nghị thượng đỉnh WSIS nhằm đảm bảo các chính phủ và các cơ quan có liên quan hiểu rõ vai trò của họ trong khuôn khổ hệ thống hành chính Internet. Đặc biệt, trong khi vấn đề chỉ định địa chỉ IP thực sự là một vấn đề hành chính quan trọng, đó còn là một vấn đề cần được quản lý theo một mô hình quản lý đáng tin cậy và bền vững trong đó tất cả các bên quan tâm đều có thể tham gia.

Mô hình quản lý này bao gồm các quy trình truyền thống thông suốt, cởi mở của Internet cộng với những cơ cấu tự quản lý của công nghiệp hiện đại. Chắc chắn đây là một mô hình thành công, tuy nhiên vẫn cần thay đổi để hoàn thiện hơn. Trong thực tế, mô hình này đã phát triển nhanh chóng trong những năm gần đây, hỗ trợ cho các công nghệ mới (như IPv6), cho các cơ quan đăng ký khu vực mới (LACNIC và AfriNIC), giúp thay đổi điều kiện của ngành công nghiệp Internet (như sự bùng nổ và suy thoái Internet), phát triển những dịch vụ mới (sự hỗ trợ của APNIC cho việc triển khai xây dựng server gốc), và những khuôn khổ chính sách mới (như ICANN và thậm chí cả bản thân WSIS). Thử thách của chúng ta không chỉ là bảo đảm cho mô hình được thấu hiểu, mà còn tiếp tục phát triển nó để bảo đảm rằng các nhu cầu và mối quan tâm mới được nhận thấy và xem xét.

APNIC chắc chắn sẽ tiếp tục hoàn thành những trách nhiệm của mình trong việc quản lý nguồn Internet và tiếp tục cải thiện dịch vụ trong lĩnh vực này. Với những dự án đang được triển khai như MyAPNIC, chương trình đào tạo APNIC, phát triển các hệ thống nội bộ, cải thiện hoạt động báo cáo và xuất bản, và hợp lý hoá các dịch vụ nguồn Internet hiện tại, tôi tin chắc rằng chúng ta sẽ tiếp tục đem lại giá trị đồng tiền trong những dịch vụ chủ chốt. Đồng thời, nhu cầu chính trị đối với APNIC cũng ngày càng gia tăng, và chúng ta cần bắt kịp nhu cầu này bằng những nỗ lực hơn nữa trong quan hệ đối ngoại, mở rộng hoạt động, hợp tác và giáo dục.

Chúng tôi tại ban thư ký APNIC, sẵn sàng chờ đón những thử thách này và mong đợi một năm hoạt động mới tiếp tục phục vụ cộng đồng thành viên APNIC chúng ta.

Paul Wilson



## APNIC là gì?

APNIC là một trong bốn Cơ quan Đăng ký Internet Khu vực (RIR) hiện đang cung cấp dịch vụ phân phối và đăng ký IP để hỗ trợ hoạt động Internet toàn cầu. Đây là một tổ chức thành viên mở rộng không vì lợi nhuận, trong đó các thành viên và cổ đông quyết định chính sách và phương hướng hoạt động của tổ chức thông qua quá trình cởi mở và dựa trên chung cầu ý kiến.

### Vai trò của APNIC như thế nào?

Trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương, APNIC có nhiệm vụ đảm bảo quản lý tốt các địa chỉ IP và các nguồn tài nguyên số liên quan cần thiết để có thể đảm bảo hoạt động ổn định và đáng tin cậy của mạng Internet toàn cầu. APNIC cung cấp các dịch vụ nguồn Internet, giáo dục và đào tạo, tổ chức các phiên họp chính sách mở rộng, và đại diện lợi ích của cộng đồng khu vực trên trường quốc tế.

### Cơ cấu hoạt động của APNIC như thế nào?

Cơ cấu của APNIC đảm bảo sự cởi mở và minh bạch trong mọi quy trình đưa ra quyết định. Cơ cấu này bao gồm:

- Các thành viên là những người tham gia bỏ phiếu về các vấn đề trong các Cuộc họp Thành viên và cung cấp ý kiến thông qua nhiều kênh khác nhau trong suốt cả năm.
- Các cuộc họp Chính sách Mở rộng của APNIC, là nơi tất cả các bên quan tâm đều có thể tham gia chia sẻ tri thức, xây dựng mạng lưới, phát triển chính sách, và đào tạo.
- Hội đồng quản trị (EC), do các thành viên bầu ra để đại diện cho họ trong việc đưa ra các quyết định và chính sách giữa các Cuộc họp Thành viên.
- Ban thư ký, nhân viên APNIC, thực hiện hoạt động thường ngày của tổ chức.

## Hội đồng quản trị

Điều lệ APNIC quy định một Hội đồng quản trị gồm bảy thành viên, với vai trò chính là đại diện các thành viên giữa các Cuộc họp thành viên và giám sát hoạt động của Ban thư ký APNIC, bao gồm việc thanh tra ngân sách và báo cáo tài chính.

Các thành viên EC họp hàng tháng, trong đó chủ yếu là các hội thảo qua điện thoại, tuy nhiên còn có các cuộc họp mặt trực tiếp tại các Cuộc họp Chính sách Mở rộng APNIC. Các thành viên EC không được trả lương cho các chức vụ của mình, tuy nhiên APNIC có thể tài trợ cho họ tham gia các cuộc họp quan trọng.

Các thành viên EC được bầu cho nhiệm kỳ 2 năm. Năm 2003, các đại diện sau đã được bầu vào Hội đồng quản trị:

EC Member	CC	Serving until
Akinori Maemura (Chair)	JP	March 2004*
Kuo-Wei Wu (Secretary)	TW	March 2005
Yong Wan Ju (Treasurer)	KR	March 2005
Che-Hoo Cheng	HK	March 2004*
Geoff Huston	AU	March 2004*
Qian Hualin	CN	March 2005
Ma Yan	CN	March 2005

\* positions open for re-election during Member Meeting, February 2004.



Chủ tịch Hội đồng quản trị năm 2003, Akinori Maemura.



## 2003 Các hoạt động của EC trong năm

Năm 2003, EC tiến hành hai cuộc họp mặt cùng với các cuộc hội thảo qua điện thoại hàng tháng. Ban thư ký chuẩn bị một chương trình nghị sự cho mỗi cuộc họp của EC, thường bao gồm việc xem xét báo cáo tài chính hàng tháng và thảo luận các vấn đề chính mà Ban thư ký muốn có sự giám sát và chỉ đạo của EC.

Dưới đây là một số những vấn đề quan trọng hàng đầu của EC trong năm 2003.

### Giám sát tình hình tài chính

Mỗi cuộc họp EC đều bao gồm việc xem xét báo cáo tài chính hàng tháng, những báo cáo này đối chiếu tình hình tài chính của tổ chức với ngân sách năm (ngân sách đã được thông qua tại Cuộc họp thành viên APNIC đầu tiên trong năm).

Mục tiêu lâu dài của EC là đảm bảo các tổ chức duy trì mức số dư tiền mặt đủ để đáp ứng các chi phí hoạt động dự kiến trong năm tới. Để đạt được mục tiêu này, các thành viên EC theo dõi tiến độ tài chính của Ban thư ký và, nếu cần, yêu cầu sửa đổi ngân sách. Trong những năm gần đây, hoạt động này đã dẫn đến việc chi tiêu thận trọng hơn.

Đáp lại sự tăng mạnh bất ngờ của đồng đô la Úc (AUD) trong năm 2003, EC đã đề xuất một số cách thức nhằm cải thiện phương pháp Ban thư ký báo cáo lợi nhuận và thua lỗ trên sự giao động của tỷ giá hối đoái.

### Quản trị Internet: ICANN, NRO, và WSIS

Những vấn đề liên quan đến việc “quản trị” Internet đã được đưa ra trong chương trình nghị sự tại tất cả các cuộc họp EC năm 2003. Đặc biệt, EC đã phối hợp chặt chẽ với các chủ tịch hội đồng quản trị (CEO) và ban quản trị của các Cơ quan Đăng ký Internet Khu vực (RIR) khác nhằm đưa ra một số báo cáo công khai về tiến trình cải cách ICANN, với kết quả là việc thành lập Tổ chức Nguồn thông số Internet (NRO) vào tháng 10 năm 2003.

EC còn giám sát chặt chẽ tiến độ của Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới về Xã hội thông tin (WSIS), nhằm đảm bảo vai trò của các RIR và các diễn đàn chính sách thông suốt các cấp của các RIR được thực hiện đúng và các đại biểu tham dự WSIS hiểu rõ những vai trò này.

Thông tin về ICANN, NRO, và WSIS sẽ được trình bày chi tiết hơn trong phần “Hợp tác toàn cầu và phát triển khu vực” bắt đầu từ trang 10.

### Quy trình phát triển chính sách

Tại APNIC 16, cộng đồng APNIC đã đi đến thống nhất đối với bản đề xuất cải tiến và tái cơ cấu quy trình phát triển chính sách APNIC.

Điều lệ APNIC quy định vai trò của EC thay mặt các thành viên giữa các cuộc họp để giải quyết các vấn đề, bao gồm việc phát triển chính sách. Quy trình mới này, thống nhất với vai trò đã được quy định của EC, yêu cầu khoảng thời gian tối thiểu cho việc thảo luận và xem xét công khai các đề xuất trước khi đi đến thỏa thuận chung. Khi đó Ban thư ký sẽ báo cáo với EC những vấn đề đã đạt được thỏa thuận chung và yêu cầu EC đưa ra quyết định.

Vào tháng 12 năm 2003, quy trình này lần đầu tiên được áp dụng và EC xem xét những hạng mục đã đạt thỏa thuận chung được nêu ra tại APNIC 16. Kết quả đầy đủ của quy trình này được báo cáo trong phần “Phát triển chính sách”, trang 17.

Ngoài vai trò đưa ra quyết định đối với những thỏa thuận chung, EC còn có nhiệm vụ trả lời những thắc mắc trong năm 2003 của cộng đồng APNIC bằng cách đưa ra một công hàm giải trình phương pháp Ban thư ký cần giải thích về một lĩnh vực còn mơ hồ trong chính sách phân bổ IPv6 phối hợp toàn cầu.

### Các hoạt động khác của EC

Các vấn đề khác mà EC thảo luận trong năm 2003 bao gồm việc triển khai các chương trình nhân bản của server gốc, thực hiện liên lạc giữa các RIR và Lực lượng kỹ thuật đặc biệt Internet (IETF), bầu cử Hội đồng địa chỉ IP, tác động của SARS và các vấn đề an ninh đi lại của nhân viên, và phê chuẩn đơn xin trở thành một NIR của VNNIC.

Báo cáo của các Cuộc họp EC được xuất bản trên trang web của APNIC:  
<http://www.apnic.net/ec>



## Khu vực hoạt động của APNIC

APNIC phục vụ khu vực Châu Á Thái Bình Dương, bao gồm 62 nền kinh tế tại Châu Á và Châu Đại Dương.

### Economies in the AP region

	ISO 3166 code	No. of members		ISO 3166 code	No. of members
Afghanistan	AF	0	Mayotte	YT	0
American Samoa	AS	1	Micronesia, Fed. States of	FM	1
Australia	AU	197	Mongolia	MN	7
Bangladesh	BD	25	Myanmar	MM	2
Bhutan	BT	1	Nauru	NR	1
British Indian Ocean Territory	IO	1	Nepal	NP	6
Brunei Darussalam	BN	2	New Caledonia	NC	4
Cambodia	KH	4	New Zealand	NZ	38
<b>China</b>	CN	30	Niue	NU	0
Christmas Island	CX	0	Norfolk Island	NF	0
Cocos (Keeling) Islands	CC	0	Northern Mariana Islands	MP	1
Comoros	KM	0	Pakistan	PK	33
Cook Islands	CK	1	Palau	PW	1
East Timor	TL	0	Papua New Guinea	PG	3
Fiji	FJ	2	Philippines	PH	49
French Polynesia	PF	1	Pitcairn	PN	0
French Southern Territories	TF	0	Reunion	RE	0
Guam	GU	5	Samoa	WS	1
Hong Kong	HK	110	Seychelles	SC	0
India	IN	104	Singapore	SG	46
<b>Indonesia</b>	ID	8	Solomon Islands	SB	1
<b>Japan</b>	JP	44	Sri Lanka	LK	12
Kiribati	KI	1	<b>Taiwan</b>	TW	25
Korea, Dem. People's Rep.	KP	0	Thailand	TH	33
<b>Korea, Republic of</b>	KR	4	Tokelau	TK	0
Laos People's Dem. Rep.	LA	3	Tonga	TO	1
Macau	MO	1	Tuvalu	TV	1
Madagascar	MG	1	Vanuatu	VU	1
Malaysia	MY	31	<b>Vietnam</b>	VN	2
Maldives	MV	2	Wallis and Futuna Islands	WF	0
Marshall Islands	MH	0	Other	AP	29
Mauritius	MU	2			
<b>Total economies:</b>					<b>62</b>
<b>Total with APNIC members:</b>					<b>46</b>

### Chú ý:

- Các nền kinh tế được công nhận trong hệ thống Đăng ký Internet Khu vực được định nghĩa theo hệ thống mã khóa (ISO 3166) của Tổ chức Tiêu chuẩn Quốc tế.
- APNIC dùng chức danh "AP" để chỉ các tổ chức hoạt động trên phạm vi một vài nền kinh tế.
- Các nền kinh tế với chữ in đậm có các Cơ quan Đăng ký Internet Quốc gia (NIR) đại diện.



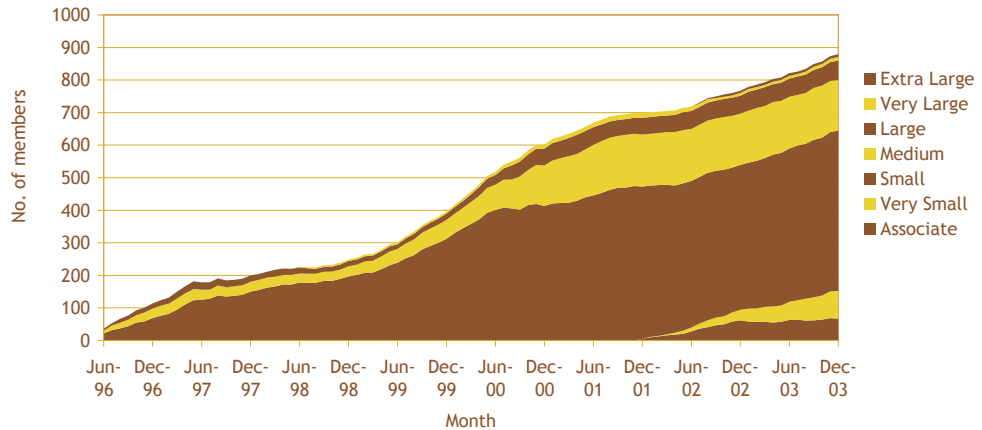
## Tình hình thành viên

### Mức độ tăng trưởng thành viên tiếp tục phục hồi

Sự phục hồi về mức độ tăng trưởng thành viên bắt đầu vào năm 2002, tiếp tục và vững mạnh vào năm 2003. Đến cuối năm 2003, tổng số thành viên APNIC đã là 879 – tăng 112 so với năm trước.

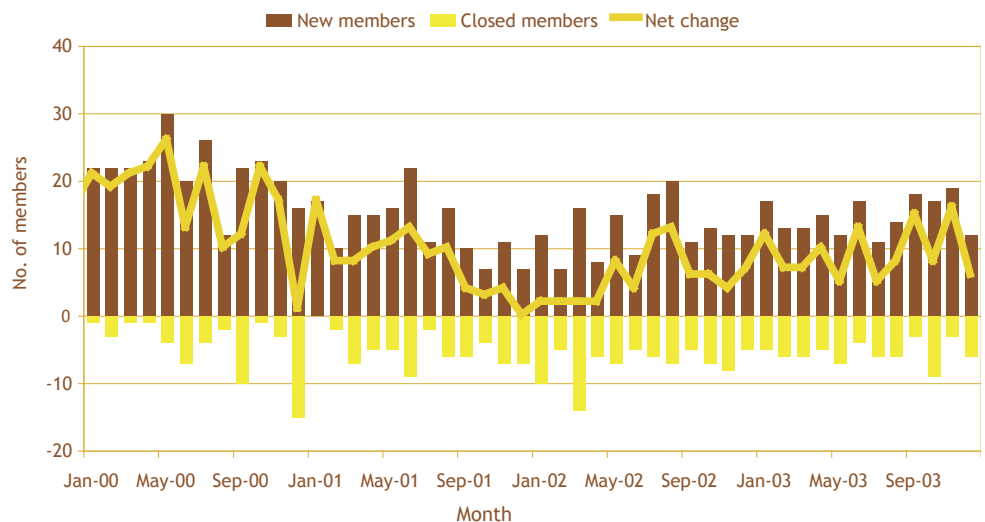
Nếu xu hướng tăng trưởng thành viên hiện thời tiếp tục gia tăng, tổng số thành viên APNIC có thể lên tới trên 1.000 vào cuối năm 2004.

APNIC membership growth (cumulative, by category)



Phân tích chi tiết cho thấy APNIC có thêm 178 thành viên mới trong năm 2003, nhưng mất đi 66 thành viên hiện thời. Hầu hết số thành viên mất đi là do hợp nhất hoặc mua lại các thành viên hiện thời, hoặc đóng cửa hoạt động hay mất liên lạc. Điểm đáng chú ý là khi Ban thư ký APNIC loại bỏ một thành viên, APNIC sẽ lấy lại tất cả các nguồn địa chỉ IP tương ứng.

APNIC membership growth (net, by month)



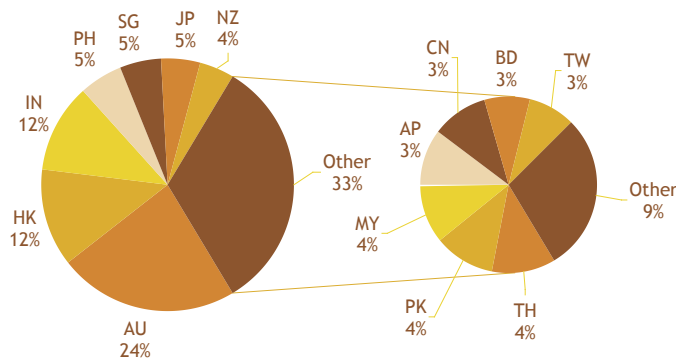
Số lượng thành viên mới lớn nhất trong năm 2003 là từ Úc (47), Ấn Độ (21), Hong Kong (14), Nhật (13), New Zealand (12), Singapore (11), và Philippine (11). Tuy nhiên, tại Ấn Độ, Hong Kong và Úc, hơn 10 thành viên đã từ bỏ tư cách thành viên làm giảm mức độ tăng trưởng tổng cộng của những khu vực này.

Trong tổng số thành viên, Úc, Hong Kong, và Ấn Độ tiếp tục dẫn đầu khu vực. Tuy nhiên, tại các nước có NIR (Trung Quốc, Indonesia, Nhật, Hàn Quốc, Đài Loan, và Việt Nam) số tổ chức sử dụng dịch vụ của APNIC cao hơn nhiều so với số lượng thành viên.





Geographic distribution of APNIC members



### VNNIC được công nhận là một NIR

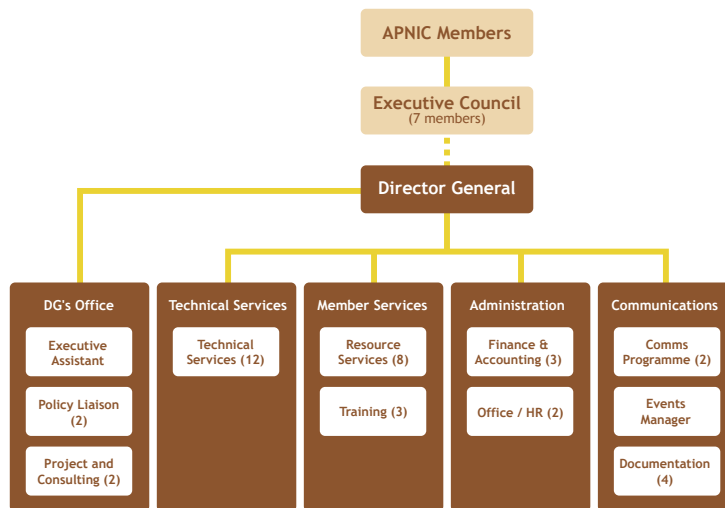
Tại APNIC 15, EC đã phê chuẩn đơn xin công nhận là một Cơ quan đăng ký Internet Quốc gia (NIR) của Việt Nam.

Các NIR hiện thời gồm có APJII (Indonesia), CNNIC (Trung Quốc), JPNIC (Nhật), KRNIC (Hàn Quốc), TWNIC (Đài Loan), và VNNIC (Việt Nam).

### Tình hình Ban thư ký APNIC

#### Nhân sự

Nhân viên Ban thư ký APNIC tăng lên thành 6 người vào năm 2003 nhằm hỗ trợ sự mở rộng dịch vụ và trách nhiệm của APNIC, đưa tổng số nhân viên lên 40 (trong đó có 5 nhân viên bán thời gian). Tính đến cuối năm 2003, cơ cấu tổ chức của APNIC như sau:



Ban thư ký APNIC cũng thực hiện một lượng công việc đáng kể duy trì tài liệu chính thức về các chính sách Nhân lực nội bộ nhằm đảm bảo tuân thủ luật tuyển dụng lao động địa phương và đem lại một môi trường làm việc hấp dẫn cho nhân viên.

Nhân viên APNIC nói các ngôn ngữ trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương sau: tiếng Indonesia, Bangla, Quảng Đông, Philippine (Tagalog), Pháp, Hindi, Nhật, Hàn Quốc, Malay, Hoa, Sri Lanka (Sinhalese), Đài Loan, Telugu, và tiếng Việt.

Thông báo tuyển dụng của APNIC sẽ được gửi đến bạn nếu bạn đăng ký gia nhập địa chỉ thư <jobs-announce>. Chi tiết xin xem tại: <http://www.apnic.net/community/lists>



## Hợp tác toàn cầu và phát triển khu vực

### Tổ chức nguồn thông số Internet (NRO) và cải cách ICANN

Từ đầu năm 2002, APNIC và các RIR khác đã tham gia tiến trình Cải cách và Phát triển ICANN, một hoạt động tiếp tục được tiến hành trong hầu hết năm 2003. Trong một loạt những phản hồi đối với ICANN, ban quản trị các RIR đã đưa ra các nguyên tắc chung được coi là quan trọng trong việc quản lý hệ thống thông số Internet.

Các RIR ghi nhận những lợi ích của cơ cấu ICANN, cơ cấu này đem lại một khuôn khổ cởi mở cho việc phối hợp một số chức năng quản lý Internet quan trọng. Các RIR quyết định sẽ tiếp tục hoạt động trong khuôn khổ này và hỗ trợ ICANN.

Tuy nhiên, đồng thời, các RIR công nhận ICANN là một thực thể doanh nghiệp tư nhân, tương lai của ICANN hoàn toàn không được đảm bảo. Nếu ICANN hoạt động thất bại, có thể gây ra những rủi ro về bất ổn hoạt động phân phối địa chỉ Internet.

Trong quá trình thương thảo, các RIR đề xuất thành lập một cơ quan điều phối mới, Tổ chức Nguồn Thông số Internet (NRO), có chức năng phục vụ như một đầu mối liên lạc chung của các RIR và đảm bảo sự ổn định liên tục của các nguồn thông số Internet. Đề xuất này được đưa ra thảo luận công khai trước các cộng đồng RIR.

Vào tháng 10 năm 2003, những người đứng đầu các RIR đã cùng ký bản ghi nhớ thành lập NRO, hiện sẽ đăng cai các hoạt động chung cần thiết đối với nhiều mặt hoạt động của RIR. Các hoạt động chung này bao gồm quản lý các miền DNS đảo cấp cao, điều phối kỹ thuật liên RIR, thương thảo và thỏa thuận với các cơ quan bên ngoài, và cung cấp một đầu mối liên lạc duy nhất thuận tiện với hệ thống RIR cho các bên thứ ba.

Cụ thể, thông qua NRO, các RIR sẽ tiếp tục thương thảo với ICANN về quan hệ hợp tác chung và vai trò cũng như thành phần của Tổ chức hỗ trợ địa chỉ Internet (ASO).



10 Chủ tịch hội đồng quản trị RIR – Axel Pawlik (RIPE NCC), Raul Echeberria (LACNIC), Ray Plzak (ARIN), và Paul Wilson (APNIC) – đã ký thỏa thuận thành lập NRO.

NRO là một cơ quan linh hoạt, không có nhân viên riêng và chức năng hành chính của nó do từng RIR luân phiên thực hiện hàng năm. NRO bao gồm một Hội đồng quản trị NRO, một Hội đồng thông số Internet, và Ban thư ký.

Các CEO của các RIR thành lập Hội đồng quản trị NRO, hiện nay do Paul Wilson của APNIC làm chủ tịch. Hiện nay RIPE NCC đang thực hiện chức năng Ban thư ký NRO năm đầu tiên.

Hội đồng Thông số Internet được đề xuất đảm nhận vai trò của Tổ chức hỗ trợ địa chỉ Internet hiện tại trong cơ cấu ICANN đã được cải cách. Vì vậy, một trong những quyết định đầu tiên của Hội đồng Quản trị NRO là chính thức đình chỉ hoạt động của Hội đồng Thông số Internet, cho đến khi các cuộc thương thảo với ICANN đưa ra kết luận về cơ cấu tương lai của ASO.

Thông tin về NRO và phần Hỏi đáp chi tiết có tại:  
<http://www.apnic.net/community/nro>

### WSIS

Hội nghị Thượng đỉnh về Xã hội Thông tin (WSIS) là một hội thảo liên chính phủ chủ chốt của Liên hợp quốc, nhằm thảo luận những vấn đề ứng dụng và tác động của công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) toàn cầu.

Mặc dù ban đầu bản thân Internet không phải là trọng tâm của hội thảo, nhưng những vấn đề về điều phối Internet (hay còn gọi là “quản trị”) đã ngày càng trở nên quan trọng trong suốt tiến trình hội thảo. Đại diện của tất cả các RIR đều tham gia các phiên họp liên quan của WSIS năm 2003 nhằm đảm bảo bản chất và các quy trình hoạt động của các RIR được hiểu một cách đúng đắn.



## **Ban thư ký ASO**

Năm 2003, Ban thư ký APNIC thực hiện vai trò của Ban thư ký Tổ chức Hỗ trợ Địa chỉ Internet ASO. Nhiệm vụ của Ban thư ký (ASO) bao gồm quản lý các cuộc hội thảo qua điện thoại hàng tháng của Hội đồng Quản lý Địa chỉ, duy trì trang web và danh sách thư của ASO, và hỗ trợ Phiên họp Chung ASO (tổ chức tại LACNIC IV ở Santiago, Chi-lê).

Hàng năm, các RIR luân phiên thực hiện chức năng của Ban thư ký ASO. Vào cuối năm 2003, Ban thư ký APNIC bàn giao công việc này cho RIPE NCC thực hiện nhiệm kỳ 2004. Phân công nhiệm vụ của Ban thư ký ASO trong những năm tới như sau:

- 2004 – RIPE NCC
- 2005 – LACNIC
- 2006 – AfriNIC
- 2007 – ARIN
- 2008 – APNIC

## **Bầu cử Hội đồng Hỗ trợ Quản lý Địa chỉ Internet ASO**

Trong phiên họp mở rộng ASO tổ chức tại APNIC 16 thứ Sáu ngày 22 tháng 8 năm 2003, Ông Hyun-joon Kwon đã được bầu là đại diện Hội đồng Hỗ trợ Quản lý địa chỉ Internet khu vực Châu Á Thái Bình Dương. Các đại diện hiện tại của Hội đồng gồm có:

- TS. Kenny S. Huang (Đài Loan)
- Takashi Arano (Nhật)
- Hyun-joon Kwon (Hàn Quốc)

Thông tin chi tiết về ASO và Hội đồng quản lý địa chỉ Internet có tại trang web của ASO:  
<http://www.aso.icann.org>

## **Trao đổi nhân viên giữa các NIR và các RIR**

Năm 2003, Ban thư ký APNIC đã đăng cai chuyến viếng thăm nhân viên thuộc các NIR. Đây là một trong những nỗ lực nhằm nâng cao sự thống nhất hoạt động và áp dụng chính sách trong toàn khu vực. Trong năm 2003, Toshihiro Hosaka (JPNIC), Kien Tran (VNNIC), và David Chan (TWNIC) đã làm việc với nhóm máy chủ APNIC và Adi Kusuma (APJII) làm việc với nhóm phát triển phần mềm APNIC.

Một hoạt động trao đổi nhân viên ngắn hạn tương tự đã được tiến hành giữa các RIR, nhằm chia sẻ tri thức điều hành giữa các khu vực. Trong năm 2003, Ricardo Patara (ban dịch vụ đăng ký) đã được LACNIC cử đi tham gia Ban thư ký APNIC và một nhân viên APNIC, George Kuo (trưởng nhóm quản trị mạng), đã viếng thăm RIPE NCC.

## **Hội thảo AfriNIC**

Tháng 6 năm 2003, LACNIC đăng cai một hội thảo diễn ra tại Uruguay vì lợi ích của AfriNIC, một RIR mới. Các đại diện của APNIC, ARIN, LACNIC, và RIPE NCC đã tham dự hội thảo đóng góp ý kiến trong lĩnh vực hành chính và kỹ thuật cho AfriNIC RIR.

Khi AfriNIC được thực sự công nhận là một RIR, AfriNIC sẽ chịu trách nhiệm đối với các nền kinh tế thuộc tất cả các khu vực thuộc RIR này. Các nền kinh tế trong khu vực APNIC sẽ trở thành thành viên khu vực AfriNIC gồm có Comoros, Madagascar, Mauritius, Mayotte, Reunion, và Seychelles.

## **Chương trình Tài trợ Nghiên cứu và Phát triển ICT PAN Asia**

Từ năm 2002, Tổng giám đốc APNIC Paul Wilson đã làm cố vấn cho Chương trình Tài trợ Nghiên cứu và Phát triển ICT PAN Asia. Chương trình này tài trợ các dự án nghiên cứu và phát triển nhỏ liên quan đến phát triển Internet trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương. PAN là một đóng góp của Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Quốc tế do Canada tài trợ (IDRC), nhằm giúp các nhà nghiên cứu và cộng đồng thuộc các nước đang phát triển giải quyết những vấn đề xã hội, kinh tế và môi trường, của khu vực này.

APNIC đóng góp tiền cho quỹ này và giữ một ghế trong ủy ban thẩm định, Ủy ban này chọn các dự án để tài trợ. Mỗi năm quỹ có hai đợt tài trợ, mà APNIC giúp quảng bá thông qua Apster, danh sách thư APNIC, và các cuộc họp. APNIC đặc biệt quan tâm đến việc khuyến khích những ứng dụng liên quan đến quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng Internet, tác động của chính sách hành chính và kỹ thuật đến các quốc gia đang phát triển, và các nghiên cứu về các vấn đề phân phối địa chỉ hoặc định tuyến Internet.



### Sự tham gia của APNIC tại các diễn đàn toàn cầu

Mỗi năm APNIC đều có các nhân viên đại diện cho lợi ích khu vực tham gia các cuộc họp phát triển chính sách và kỹ thuật. Các nhân viên APNIC báo cáo tình hình dịch vụ và nguồn Internet, tham gia các cuộc họp và các cuộc thảo luận trực tuyến nhằm giải quyết các vấn đề về quản lý và các hoạt động kỹ thuật có liên quan.

#### Meetings attended in 2003

Month	Meeting	Location
January	WSIS Asia-Pacific preparatory meeting	Tokyo, Japan
	SANOG I/CAN IT Conference	Kathmandu, Nepal
	RIPE 44	Amsterdam, Netherlands
February	NDDS '03	San Diego, California
	NANOG 27	Phoenix, Arizona
	APRICOT2003	Taipei, Taiwan
	The first global IPv6 summit in AP	Taipei, Taiwan
March	PAN Asia ICT R&D meeting	Luang Prabang, Laos
	56 <sup>th</sup> IETF	San Francisco, California
	ICANN Meetings	Rio de Janeiro, Brazil
April	Global IPv6 Summit in China 2003	Beijing, China
	ARIN XI	Memphis, Tennessee
	PITA AGM	Suva, Fiji
	LACNIC IV	Santiago, Chile
	ASO General Assembly	Santiago, Chile
May	AusCERT 2003	Gold Coast, Australia
	RIPE 45	Barcelona, Spain
June	NANOG 28	Salt Lake City, Utah
	AfriNIC Workshop	Montevideo, Uruguay
	ICANN Meetings	Montreal, Canada
July	JPNIC OPM	Tokyo, Japan
	57 <sup>th</sup> IETF	Vienna, Austria
	WSIS meeting	Paris, France
	SANOG II/Networking South Asia 2003	Colombo, Sri Lanka
August	SAGE Conference	Hobart, Australia
	APNIC 16	Seoul, Korea
	APAN	Busan, Korea
September	RIPE 46	Amsterdam, Netherlands
	AUUG Conference	Sydney, Australia
October	PAN R&D committee meeting	Chennai, India
	ITU Telecom World 2003 Forum	Geneva, Switzerland
	NANOG 29	Chicago, Illinois
	ARIN XII	Chicago, Illinois
	1st ASEAN IPv6 Summit 2003	Kuala Lumpur, Malaysia
November	58 <sup>th</sup> IETF	Minneapolis, Minnesota
	WSIS meeting	Geneva, Switzerland
	LACNIC V	Havana, Cuba
	APTLD Meeting	Wellington, New Zealand
December	RIPE NCC Regional Meeting	Dubai, U.A.E
	WSIS	Geneva, Switzerland
	Launching ceremony of intERLab	Bangkok, Thailand

Bài trình bày trước các tổ chức bên ngoài của các nhân viên APNIC được lưu tại:  
<http://www.apnic.net/community/presentations>



## Các hoạt động đào tạo

### Phát triển khóa học

Trong năm 2003, Phòng Đào tạo APNIC đã tiến hành xem xét lại cơ bản các khóa đào tạo mà APNIC đang cung cấp cho học viên. Do có nhiều thành viên đã tham gia vào các khóa quản lý nguồn Internet cơ bản, Phòng Đào tạo đã quyết định đưa ra các tài liệu học tập nâng cao hơn.

Những khóa đào tạo trong thời gian một ngày hiện có bao gồm:

- Quản lý nguồn Internet I (IRM I) – đây là khóa học căn bản cho những người đăng ký và quản lý nguồn Internet; đề cập đến các chính sách, thủ tục, và các hoạt động quản lý tin cậy của APNIC.
- Quản lý nguồn Internet II (IRM II) – đây là khóa học nối tiếp khóa IRM I, thảo luận các chủ đề và công nghệ nâng cao hơn như đăng ký định tuyến Internet (IRR), IPv6, và DNS đảo.
- Các vấn đề chủ chốt trong quản lý nguồn Internet (IRM-E) – dành cho những người làm công tác quản trị và quản lý nguồn Internet; đề cập đến quản lý phân phối địa chỉ Internet, IPv6, DNS đảo, IRR, và Cơ sở Dữ liệu Whois APNIC.



Những người tham gia khóa đào tạo về Quản lý nguồn Internet I (IRM I) tổ chức tại Jakarta, Indonesia tháng 6 năm 2003.

Một nội dung chính khác mới được đưa vào chương trình đào tạo của APNIC là hội thảo DNS. DNS là một cơ sở hạ tầng Internet quan trọng và là dịch vụ danh bạ Internet lớn nhất hiện nay. Để đảm bảo tính lợi ích của các dịch vụ Internet, các chuyên gia mạng cần phải hiểu các khái niệm, cấu hình và vận hành DNS.

Khóa học về DNS của APNIC được xây dựng chia theo nhiều giai đoạn, trong đó môn Khái niệm DNS được đưa vào dạy trong chương trình khóa IRM-I và các môn học về Khái niệm và vận hành DNS được thực hiện tại NetSA/SANOG II và các cuộc họp APNIC 16. Trong năm 2004, APNIC sẽ tiếp tục phát triển chương trình đào tạo với việc tổ chức một hội thảo cao cấp trong thời gian 4 ngày, dự kiến vào cuối năm 2004. Hội thảo DNS sẽ bao gồm các buổi thực hành và kiểm tra trực tiếp và sẽ gồm các lĩnh vực sau:

- Khái niệm DNS
- Các cấu hình BIND (Server DNS) và thiết bị giải (DNS khách)
- Đăng ký DNS
- Công cụ gỡ rối và xử lý tình huống của DNS
- DNS đảo
- RNDC và TSIG
- An ninh DNS
- Cập nhật động an toàn

Các tài liệu đào tạo của APNIC được xây dựng theo dạng môn học, cho phép các khóa học được tùy biến đáp ứng nhu cầu riêng của từng khóa. Cách tiếp cận linh hoạt này giúp các chuyên gia đào tạo của APNIC phối hợp với các chuyên gia khác trong cộng đồng, những người tham gia giảng dạy các môn kỹ thuật chuyên sâu để hỗ trợ cho các tài liệu giảng dạy thông thường. Cách tiếp cận này còn rất có ích khi APNIC tham gia các khóa đào tạo liên kết và các hoạt động mở rộng với các tổ chức khác, giúp truyền bá nhận thức về các vấn đề quản lý nguồn Internet cho nhiều đối tượng học viên hơn. Cùng với khóa DNS nói trên, Phòng Đào tạo cũng đã xây dựng các môn học bao gồm các lĩnh vực kỹ thuật IRR và IPv6.

Chi tiết về các khóa học và chương trình học năm 2004 có tại:  
<http://www.apnic.net/training>



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN APNIC 2003

### Các khóa đào tạo trong năm 2003

Cũng như nhiều hoạt động khác trong khu vực này, chương trình đào tạo của APNIC bị gián đoạn trong thời gian nửa đầu năm 2003 do nạn dịch SARS. Tuy nhiên, khi hoạt động đi lại tới các khu vực bị nhiễm SARS trở lại an toàn, Phòng Đào tạo đã tích cực làm việc để bắt kịp với sự đình trệ một số khóa học và tính đến cuối năm, đã có tổng cộng 1.081 học viên tại 23 khu vực khác nhau tham gia các khóa học.

#### APNIC training events in 2003

Date	Location	Sponsor or host
January	Dahka, Bangladesh	UNDP/SDNP
	Kathmandu, Nepal	SANOG I (host)
	New Delhi, India	
	Bangkok, Thailand	
February	Taipei, Taiwan	APRICOT/APNIC15
March	Vientiane, Laos	PAN Asia Conference
	Sydney, Australia	
June	Jakarta, Indonesia	APJII
July	Auckland, New Zealand	NZNOG (host)
	Mumbai, India	Reliance InfoComm
	Colombo, Sri Lanka	NetSA/SANOG II
August	Hong Kong	Juniper
	Seoul, Korea	APNIC16
September	Manila, Philippines	Meridian Telekoms
October	Nuku'alofa, Tonga	PITA/PICISOC
	Dahka, Bangladesh	UNDP/SDNP
	Singapore	NCS (host)
	Kuala Lumpur, Malaysia	Jaring
November	Chengdu, China	CNC
	Wuxi, China	ChinaNet
	Hangzhou, China	China Mobile
	Beijing, China	CNNIC
	Ulan Batur, Mongolia	Datacom
	Phnom Penh, Cambodia	NiDA
December	Taipei, Taiwan	TWNIC



Khai giảng chính thức khóa đào tạo của APNIC tại Dhaka, Bangladesh vào tháng 10 năm 2003.

### AIT sẽ hỗ trợ hoạt động đào tạo của APNIC trong năm 2004

Trong năm 2003, Ban thư ký APNIC đã tiến hành thương thảo với Viện công nghệ Châu Á (AIT) về việc tổ chức chương trình đào tạo của APNIC trong tương lai. AIT là một cơ sở giáo dục và đào tạo có uy tín trong khu vực được đặt tại Thái Lan. Trước đây, APNIC và AIT đã phối hợp trong một số hoạt động riêng lẻ và hiện nay đã thống nhất chính thức hóa cam kết hợp tác đào tạo và phát triển trong khu vực giữa hai bên.



Từ năm 2004, AIT sẽ hỗ trợ về mặt hành chính và hậu cần cho các khóa đào tạo của APNIC. Mỗi quan hệ hợp tác này sẽ phối hợp được trình độ chuyên môn của APNIC về quản lý nguồn Internet với mạng lưới liên lạc và cơ sở vật chất rộng lớn của AIT trong khu vực.

Vào tháng 11 năm 2003, bà Wit Hmone của AIT đã làm việc tại Ban thư ký APNIC để làm quen với các hoạt động đào tạo của APNIC và bắt đầu chuẩn bị cho sự hợp tác giữa hai bên vào năm 2004.

### Các hoạt động mở rộng

Ban thư ký APNIC đã tiếp tục cố gắng cải thiện phạm vi và hiệu quả hoạt động trên toàn khu vực. Các khóa đào tạo, chương trình học bổng hữu nghị, và các kênh truyền thông như Apster là các phương thức để đạt được mục tiêu này. APNIC còn tham gia các hoạt động của các cộng đồng kỹ thuật khác trong khu vực để có điều kiện tiếp xúc với các tổ chức và cá nhân không có điều kiện tham gia các hoạt động của APNIC. Đặc biệt, các hoạt động mở rộng còn hướng tới các cộng đồng thuộc các nước đang phát triển.

Để đạt được mục tiêu này, Ban thư ký APNIC đã củng cố vai trò cho các nhân viên Hợp tác và Nghiên cứu làm việc trong những vùng nhất định của khu vực. Trong năm 2003, nhân viên Hợp tác và Nghiên cứu khu vực Quần đảo Thái Bình Dương đã làm việc với các cộng đồng kỹ thuật Quần đảo Thái Bình Dương, như Hiệp hội viễn thông quần đảo Thái Bình Dương (PITA) và Hội Internet chi hội Quần đảo Thái Bình Dương (PICISOC). Thành viên APNIC thuộc những nhóm dân cư nhỏ và các khu vực vùng xa rất khó có điều kiện tham gia các hoạt động được tổ chức tại các khu vực khác trong vùng, vì vậy họ đánh giá rất cao sự tham gia của APNIC vào các hoạt động của họ.

Một nhân viên Hợp tác và Nghiên cứu đã được tuyển dụng để làm việc với cộng đồng Nam Á và nhân viên này có thể sẽ tham gia Ban thư ký vào năm 2004.

Rất nhiều hoạt động mở rộng khác được phối hợp với các hoạt động đào tạo của APNIC và các nhân viên APNIC đã đại diện cho cộng đồng tại một số hội thảo và khóa đào tạo trong suốt năm 2003 tại một số nước như Campuchia và Lào. APNIC còn phối hợp chặt chẽ với SANOG và thực hiện toàn bộ một buổi hội thảo tại cuộc họp SANOG II tại Sri Lanka.

### Các phiên họp Chính sách Mở rộng của APNIC

Các phiên họp Chính sách Mở rộng của APNIC là cơ hội cho các thành viên trong cộng đồng APNIC họp mặt phát triển chính sách, chia sẻ thông tin, và mở rộng quan hệ với những thành viên khác trong cộng đồng. Phiên họp Chính sách Mở rộng đầu tiên mỗi năm được tổ chức như một hội thảo trong khuôn khổ APRICOT và phiên họp thứ hai là một phiên họp độc lập.

Trong năm 2003, APNIC 15 được tổ chức ở Đài Bắc, Đài Loan và APNIC 16 tại Seoul, Hàn Quốc. Các chuyên gia máy chủ có mặt trong suốt hai cuộc họp phục vụ tư vấn cá nhân và phục vụ tại Bàn giải đáp thắc mắc của APNIC.

### Số lượng tham dự các phiên họp APNIC năm 2003

Mặc dù nạn dịch SARS gây ảnh hưởng đến kế hoạch đi lại của nhiều người trong năm 2003, số lượng thành viên tham dự các phiên họp APNIC vẫn không thay đổi so với năm 2002.

Attendance at APNIC meetings in 2003	
<b>APNIC 15</b>	
Total APRICOT attendance	558
AMM attendance	116
<b>APNIC 16</b>	
Total attendance	131
AMM attendance	73

### Tiếp cận các phiên họp và báo cáo

Trong năm 2002, APNIC sử dụng chương trình thông dịch đồng thời và truyền đa kiểu giúp nhiều người có thể tham gia các phiên họp của APNIC hơn. Các kỹ thuật này được tiếp tục sử dụng cho năm 2003 tại APNIC 15 ở Đài Bắc, trong đó có một số phiên họp có cả tiếng Trung, và tại APNIC 16 ở Seoul, nhiều phiên họp có tiếng Hàn Quốc.

Các dịch vụ khác đã được đưa vào sử dụng trong năm 2003 nhằm nâng cao khả năng tiếp cận các phiên họp cho tất cả những người dự họp. Các dịch vụ này bao gồm bản dịch trực tiếp, hỗ trợ IPv6 bản địa, chương trình trợ giúp thành viên mới, và một bảng thông báo trang web tại chỗ.



### Bản dịch trực tiếp

Bản dịch trực tiếp là một giải pháp thay thế thông qua giải băng truyền nhỏ dành cho các thành viên không tham gia họp trực tiếp, cho phép họ thấy được các phiên họp. Những bản dịch này được chiếu lên màn hình cho những người dự họp trực tiếp nhìn thấy. Bản dịch trực tiếp được trình bày trên một trang web đơn giản ứng dụng Java và còn được truyền sử dụng server Jabber.

Nhiều người cho rằng bản dịch trực tiếp giúp những thuyết trình viên không phải người nói tiếng Anh gốc hiểu các cuộc thảo luận dễ dàng hơn. Bản dịch cũng được lưu trữ trên trang web APNIC ngay sau khi một phiên họp kết thúc.

Các bản dịch từ APNIC 16 hiện có trên trang web:  
<http://www.apnic.net/meetings/16/programme/transcripts>

### Hỗ trợ mạng IPv6 riêng

Tất cả các hội nghị APNIC trong năm 2003 đều được trang bị mạng IPv6 riêng, giúp những người tham dự có thể nối kết vào internet thông qua IPv4 hoặc IPv6. Đây là một bước tiến quan trọng cho cộng đồng APNIC vì IPv6 ngày càng thu hút được nhiều người sử dụng và được chấp nhận nhiều hơn.

### Trợ giúp những thành viên mới

Ban thư ký của APNIC đã khai trương một chương trình tại APNIC 16 nhằm giúp những người tham dự ít kinh nghiệm có thể học hỏi làm thế nào có thể tham dự một cách tích cực và đóng góp vào việc phát triển chính sách. Những thành viên mới được mời tham dự các buổi họp đặc biệt và nhân viên APNIC được chỉ định cho từng thành viên mới nhằm hướng dẫn họ trong suốt buổi họp đầu tiên. Trước khi Cuộc họp Chính sách Mở rộng bắt đầu, một bữa ăn sáng được tổ chức để các thành viên mới gặp gỡ những người tổ chức SIG và tìm hiểu các buổi họp của APNIC được tổ chức như thế nào. Ngoài ra còn có một hội thảo vào giờ ăn trưa dành cho những người tham dự muốn tìm hiểu về cách thức tham gia thảo luận chính sách.

### Bảng thông báo tại chỗ

Để hỗ trợ những người dự họp tận dụng được tối đa thời gian của họ tại các cuộc họp APNIC, bảng thông báo tại chỗ của APNIC được đưa vào sử dụng tại APNIC 15. Dịch vụ dựa trên web này trình bày sơ đồ mặt bằng của chương trình nghị sự hàng ngày, chỉ ra các nhân viên đa ngôn ngữ của APNIC tại các phiên họp, cung cấp thông tin về nội mạng tại chỗ, và thông báo tin tức cũng như những thông báo về các cuộc họp khác. Địa điểm họp chính của APNIC tiếp tục thông tin cho những người dự họp và các thành viên dự họp từ xa.

### Bàn giải đáp thắc mắc

Bàn giải đáp thắc mắc của APNIC đã trở thành nét đặc trưng thường lệ của cuộc họp APNIC, với sự hiện diện của các chuyên gia máy chủ trong suốt thời gian diễn ra cuộc họp, phục vụ tư vấn chuyên môn và ngôn ngữ đối với các dịch vụ của APNIC.

### Chương trình tài trợ của APNIC

Tại APNIC 16, APNIC đã đưa ra một chương trình Tài trợ mới, trợ giúp tài chính cho các cá nhân thuộc các nước kinh tế đang phát triển tham gia các Cuộc họp Chính sách Mở rộng của APNIC.

Đối tượng của chương trình này là nhân viên các tổ chức đang phát triển và cung cấp dịch vụ Internet cho các nước kinh tế đang phát triển, đặc biệt là những người chịu trách nhiệm quản lý nguồn Internet (như địa chỉ IP, thông số hệ thống độc lập, và dữ liệu đăng ký định tuyến).

Tại APNIC 16 vào tháng Tám, chương trình đã hỗ trợ 12 thành viên tham dự đến từ Pakistan, Uganda, Ấn Độ, Mông cổ, Bangladesh, Nepal, Kiribati, Ấn Độ, Indonesia, Thái Lan, Vanuatu, và Philippine. Những người được nhận tài trợ phải báo cáo việc dự họp của họ.

APNIC nhận được quỹ tài trợ cho hoạt động này từ Chương trình Phát triển và Thông tin Ngân Hàng Thế Giới (infoDev), một chương trình tài trợ toàn cầu nhằm thúc đẩy việc sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông phục vụ phát triển kinh tế và xã hội, với trọng tâm là nhu cầu của các nền kinh tế đang phát triển.







## Các phiên họp chính sách APNIC sắp tới

APNIC 17 sẽ được tổ chức như một hội thảo nằm trong khuôn khổ APRICOT 2004, tại Kuala Lumpur, Malaysia, từ 23 đến 27 tháng 2 năm 2004. Hiện nay EC đang xem xét các đề xuất xin đăng cai APNIC 18 trong quý 3 năm 2004.

### APNIC Special Interest Groups (SIGs) in 2003

SIG	Chair	Co-chairs
Policy	Takashi Arano	Yong Wan Ju, Kenny Huang
Database	Xing Li	Hakikur Rahman
DNS operations	Joe Abley	N/A
IX	Philip Smith	Che Hoo Cheng
IPv6 (technical)	Kazu Yamamoto	Jun Murai
NIR	Maemura Akinori	Chia-Nan Hsieh
Routing	Philip Smith	Randy Bush

Thông tin về Phiên họp Chính sách Mở rộng APNIC, bao gồm hồ sơ của các phiên họp trước có tại:

<http://www.apnic.net/meetings>

## Phát triển chính sách

### Quy trình phát triển chính sách

Các chính sách của APNIC được các thành viên APNIC và cộng đồng Internet xây dựng theo một quy trình thảo luận và lấy ý kiến chung mở rộng. Tại APNIC 16, cộng đồng Internet đã chấp thuận một đề xuất cải thiện quy trình này bằng cách chính thức hóa các bước cần thiết để thiết lập, thảo luận và thông qua các đề xuất.

Quy trình mới này vẫn đặt trọng tâm vào ý kiến chung của cộng đồng, nhưng xác định rõ ràng các giai đoạn thảo luận và xem xét. Khung thời gian được đưa ra tạo điều kiện tham gia tích cực cho tất cả các thành viên của cộng đồng Internet, chứ không chỉ những người tham dự các cuộc họp APNIC.

- Văn bản của các đề xuất chính sách đều phải được trình cho mọi người trong danh sách thư ít nhất một tháng trước Phiên họp Chính sách Mở rộng APNIC.
- Tại phiên họp, các đề xuất được thảo luận trong các buổi họp Nhóm Đề tài Riêng (SIG) và trong Cuộc họp thành viên APNIC. SIG sẽ xem xét và chỉnh sửa các đề xuất thông qua thảo luận và quyết định trên cơ sở lấy ý kiến chung.
- Các quyết định về chính sách được đưa ra tại các cuộc họp SIG sẽ được trình lên Cuộc họp thành viên để phê chuẩn.
- Sau cuộc họp, đề xuất được gửi đến cho các thành viên danh sách thư thích hợp để nhận xét thêm trong vòng hai tháng trước khi đệ trình với EC để phê chuẩn lần cuối.

Tiến độ của các đề xuất chính sách cá nhân có thể xem tại:

<http://www.apnic.net/docs/policy/proposals>

## Thay đổi chính sách và cập nhật thông tin liên quan trong năm 2003

### Sửa đổi quy trình chính sách (prop-001-v001)

APNIC 16 đã đạt được thỏa thuận chung đối với đề xuất thiết lập một quy trình phát triển chính sách mới (như đã nêu trên).

### Chính sách biên tập tài liệu (prop-002-v001)

Tại APNIC 16, một chính sách biên tập tài liệu mới đã được chấp thuận kết hợp với quy trình phát triển chính sách sửa đổi. Chính sách mới này đơn giản hóa quy trình báo cáo bằng tài liệu về các quyết định chính sách.

### Xóa bỏ các chức năng không thoả đáng (prop-004-v001)

Nhằm giảm bớt các vấn đề do các chức năng DNS không thoả đáng gây nên, APNIC 16 đã ủy quyền cho Ban thư ký APNIC xóa bỏ các chức năng DNS không thoả đáng trong Cơ sở dữ liệu Whois của APNIC. Dự án bắt đầu được thực hiện năm 2004; những mạng lưới có các chức năng không thoả đáng sẽ được thông báo trước khi dự án bắt đầu.



### **Quản lý vùng địa chỉ IPv6 (prop-005-v001)**

Các RIR cùng đề xuất là IANA phân phối cho các RIR vùng địa chỉ IPv6 trong các khối lớn hơn, để các RIR có thể áp dụng các kỹ thuật quản lý hiệu quả hơn. Mục đích của đề xuất phân phối rộng là nhằm cải thiện mức độ tập trung bằng cách ngăn chặn hiện tượng rời rạc vùng địa chỉ. Tại APNIC 16, cộng đồng APNIC đã thống nhất hướng tới thực hiện đề xuất này, tuy nhiên, cần thảo luận thêm về lượng phân phối IPv6 cụ thể của IANA. Thật không may, các cuộc thảo luận này tại các diễn đàn RIR khác đã dẫn đến nhiều bất đồng ý kiến đối với một số mặt của bản đề xuất. Năm 2004, APNIC sẽ phối hợp với các RIR khác để đưa ra một thỏa thuận chung.

### **Chuyển giao nguồn tài nguyên lịch sử (prop-006-v001)**

APNIC 16 đã đạt được thỏa thuận chung cho phép chuyển giao các nguồn tài nguyên lịch sử cho các thành viên APNIC mà không cần xét duyệt hay thông qua về mặt kỹ thuật, với điều kiện các nguồn tài nguyên được chuyển giao phải tuân thủ các chính sách hiện hành.

### **Bảo mật chỉ định khách hàng (prop-007-v001)**

Để giải quyết những lo ngại về vấn đề bảo mật đăng ký của khách hàng trong Cơ sở dữ liệu Whois của APNIC, đã có thống nhất chung cho phép các thành viên APNIC lựa chọn xem có nên để các chỉ định khách hàng và các phân phối địa chỉ Internet có thể truy cập được bằng câu hỏi cơ sở dữ liệu công cộng. Lưu trữ chỉ định khách hàng trong cơ sở dữ liệu là công việc bắt buộc đối với tất cả các thành viên APNIC, nhưng theo giao ước những đăng ký này không được phổ biến.

### **Phân phối IPv4 của IANA cho các RIR**

Trước đây không có các chính sách quản lý dung lượng phân phối IPv4 của IANA cho các RIR. Năm 2003 các RIR đã cùng đề xuất yêu cầu đưa ra một chính sách như vậy. Đề xuất này đã được đệ trình với cộng đồng RIR. Bản đề xuất đã đưa ra những khuyến nghị sau:

- IANA sẽ phân phối vùng địa chỉ IPv4 cho các RIR theo đơn vị /8;
- Các phân phối sẽ được thực hiện trên cơ sở không gian cần thiết trong thời gian 18 tháng;
- Bất kỳ RIR mới nào cũng tự động được coi là đạt tiêu chuẩn /8.

EC nhận thấy đề xuất này được điều phối hiệu quả hơn đề xuất IPv6, trong đó có một văn bản được thống nhất duy nhất đã được mọi cộng đồng RIR đưa ra thảo luận. EC đã phê chuẩn thỏa thuận chung của AMM, theo đó đề xuất sẽ được trình lên ASO xin duyệt sau khi đã được tất cả các cộng đồng RIR chấp thuận.

### **Phản đối sử dụng chương trình Thẩm định quyền KHÔNG (prop-010-v001)**

Trong những nỗ lực nâng cao an ninh cơ sở dữ liệu Whois của APNIC, APNIC 16 đã đạt được thỏa thuận chống việc sử dụng KHÔNG như một phương pháp thẩm định quyền của người dùng và thay thế nhân viên bảo dưỡng đối tượng được MAINT-NULL bảo vệ bằng nhân viên bảo dưỡng đối tượng chính. Trước đây, tại APNIC 14, phương pháp thẩm định quyền sử dụng MAIL-FROM không an toàn đã bị loại bỏ. Các phương pháp thẩm định quyền sử dụng còn lại trong cơ sở dữ liệu gồm có CRYPT-PW, MD5-PW, và PGPKEY

### **Các chỉ định Điểm trao đổi Internet (IXP) (prop-011-v001)**

Khi chính sách chỉ định IXP được thông qua tại APNIC 12 năm 2001, đã có điều kiện quy định rằng các chỉ định IPv4 thực hiện theo chính sách này không được phép định tuyến toàn cầu. Tại APNIC 16, đã có một thỏa thuận chung để xóa bỏ hạn chế định tuyến các chỉ định IXP. Ngoài ra, định nghĩa về IXP cũng được cập nhật cho phù hợp với các ứng dụng hiện thời.

Những hạng mục sau không có mã số lưu đề xuất vì những hạng mục này được đưa trước khi hệ thống lưu đề xuất mới được sử dụng hoặc các hạng mục này chỉ được trình bày như những hạng mục “thông tin”, không được đề xuất chính thức như một thay đổi chính sách.

### **Dự án làm sạch cơ sở dữ liệu**

Tại APNIC 15, Ban thư ký APNIC đã được phê chuẩn thực hiện làm sạch cơ sở dữ liệu Whois của APNIC nhằm xóa bỏ các đối tượng không tuân thủ RPSL, những hồ sơ nguồn tài nguyên không thuộc APNIC, và các đối tượng không liên quan đến các nguồn tài nguyên có thẩm quyền của APNIC. Dự án này được bắt đầu vào tháng 5 năm 2003, và hoàn tất vào tháng 11 năm 2003. Trong dự án này, khoảng 28.000 đối tượng đã được sửa chữa hoặc xóa bỏ.



## Hướng dẫn IPv6

APNIC 16 đã gợi ý rằng cần có hướng dẫn giải quyết những thắc mắc và hiểu nhầm liên quan đến tài liệu chính sách IPv6. Tháng 11 năm 2003, Nhóm Thiết lập Hướng dẫn IPv6 (wg-ipv6-guide) được thành lập nhằm xây dựng tài liệu hướng dẫn này. Tình hình thảo luận của thành viên trong danh sách thư sẽ được thông báo tại APNIC 17 tại Kuala Lumpur.

## Tỉ suất Mật độ Máy chủ (HD) cho IPv4

Trước khi những người sử dụng tài khoản APNIC có thể nhận phân phối địa chỉ IPv4 bổ sung, họ phải sử dụng trên 80% dung lượng địa chỉ hiện thời. Nhằm cải thiện cách xác định dung lượng sử dụng, một phương pháp mới đã được đề xuất, mang tên tỉ suất Mật độ Chỉ định (AD). Tỉ suất AD được tính toán dựa trên tỉ suất HD hiện đang được dùng để xác định dung lượng sử dụng IPv6. APNIC và các cộng đồng ARIN đã bắt đầu thảo luận đề xuất này. Để đề xuất này có thể được tiến triển cần có sự phối hợp tốt hơn giữa các RIR.

## Phát triển truyền thông

### Phát triển báo cáo bằng tài liệu

#### Phát triển chính sách và mẫu đơn yêu cầu

Tiếp theo những quyết định của cộng đồng APNIC trong năm 2003, những tài liệu chính sách mới đã được lập thành văn bản và những tài liệu chính sách hiện thời được cập nhật (như đã trình bày trong phần “Phát triển chính sách” ở trên).

Đầu năm 2003, một mẫu đơn yêu cầu chỉ định di động trực tuyến mới đã được đưa ra, kết hợp hai mẫu đơn yêu cầu hiện nay – yêu cầu IXP và yêu cầu kết nối nhiều mạng – với một loại chỉ định di động mới dành cho cơ sở hạ tầng Internet quan trọng. Các mẫu đơn khác được đưa ra trong năm 2003 bao gồm mẫu đơn đề xuất chính sách APNIC trực tuyến, và đơn xin đăng ký cho các tài khoản thành viên và không phải thành viên APNIC. Công việc sẽ tiếp tục vào năm 2004 để cập nhật tất cả những mẫu trực tuyến APNIC theo một chuẩn thiết kế thống nhất.

#### Dịch thuật

Trong năm 2003, Ban thư ký APNIC tiếp tục xuất bản các tài liệu chính của APNIC bằng những ngôn ngữ khác nhau của khu vực Châu Á Thái Bình Dương nhằm trợ giúp các thành viên cộng đồng APNIC mà tiếng mẹ đẻ không phải là Anh ngữ. Ban thư ký đã nhận được nhiều hỗ trợ quý báu của các NIR và các thành viên khác trong việc dịch thuật. Các tài liệu chọn lọc của APNIC được xuất bản bằng những ngôn ngữ sau: tiếng Indonesia, tiếng Trung (đơn giản), tiếng Trung (truyền thống), tiếng Nhật, tiếng Hàn Quốc, tiếng Thái, và tiếng Việt.

Các tài liệu đã được dịch có tại:  
<http://www.apnic.net/trans>

#### Apster

Apster, tờ tin dành cho các thành viên APNIC và cộng đồng Internet, được xuất bản lần đầu tiên năm 2001. Trong năm xuất bản thứ 3, Apster tiếp tục đem đến cho cộng đồng những bài phân tích cũng như thông tin về những lĩnh vực sau:

- lợi ích sử dụng đăng ký định tuyến;
- vai trò của NIR trong khu vực APNIC;
- thiết lập các server nhân bản gốc F trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương;
- sự phát triển của Internet vô tuyến;
- tìm hiểu các vấn đề đằng sau những cuộc thảo luận gần đây về tình trạng quỹ địa chỉ IPv4.

Apster còn là một cơ chế quan trọng để cập nhật cho các thành viên về những thay đổi chính sách, các hoạt động trong khu vực, và tin tức về Ban thư ký.

Tất cả thành viên của APNIC đều được cấp Apster miễn phí dài hạn. Những người khác có thể lấy hoặc tải bản điện tử từ trang web:  
<http://www.apnic.net/apster>



## Phát triển cơ sở hạ tầng và các dự án chính

Trong năm 2003, các nhân viên APNIC tiếp tục phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật dành cho các dịch vụ bên ngoài mở rộng, linh động hơn và mạng lưới văn phòng an toàn và hiệu quả hơn.

### Triển khai APNIC PoP và các server gốc

Báo cáo hàng năm vào năm 2002 chỉ ra rằng APNIC và Tập đoàn Phần mềm Internet (ISC) đã lập kế hoạch hợp tác nhằm thiết lập các địa điểm đặt server gốc tại khu vực châu Á Thái Bình Dương. Vào năm 2003, Hội đồng Thư ký đã lắp đặt các điểm APNIC tại Bắc Kinh, Hồng Kông, Seoul và Đài Loan. Các APNIC PoP cũng nhân bản server gốc F do ISC vận hành.

Vào năm 2003, APNIC cũng đã thỏa thuận xong với tập đoàn Autonomica của Thụy Điển, tổ chức chịu trách nhiệm điều hành server gốc I. Hai tổ chức sẽ cùng hợp tác cài đặt một số chương trình nhân bản server gốc I trong khu vực trong năm tới.

Các chương trình nhân bản của server gốc sẽ được thông báo cho hệ thống định tuyến Internet sử dụng kỹ thuật anycast BGP. Hệ thống này sẽ chuyển tải thông tin từ bất kỳ địa điểm nào đến server gốc gần nhất. APNIC và các nhà điều hành server gốc lựa chọn các địa điểm cho các chương trình nhân bản bằng cách lấy ý kiến chung của các chuyên gia máy chủ tương lai.

APNIC đã tham gia triển khai nhiều server gốc vì DNS cung cấp một số dịch vụ cơ sở hạ tầng quan trọng, bao gồm các cây DNS nghịch đảo, in-addr.arpa và ip6.arpa, rất quan trọng đối với hoạt động của APNIC. Đã có rất nhiều yêu cầu của thành viên trong cộng đồng về việc tham gia này, họ nêu lên tính trung lập của APNIC là một lý do quan trọng cho APNIC thực hiện vai trò của một cơ quan điều phối triển khai trong khu vực.

Lợi thế của các chương trình nhân bản server gốc trong khu vực rất rõ ràng, giúp tiết kiệm thời gian, nâng cao hiệu quả hoạt động của các giao dịch DNS và giảm sự phụ thuộc vào các nhà cung cấp dịch vụ ở xa.

Trong năm 2004, APNIC sẽ tiếp tục tăng các điểm hiện diện trong khu vực.

Xin xem thêm thông tin về những phát triển gần đây nhất của dự án server gốc tại:  
<http://www.apnic.net/services/rootserver>

### Các hệ thống và cơ sở hạ tầng hành chính

Các nhân viên điều hành mạng của APNIC đã làm việc tích cực trong năm 2003 để đạt được những cải thiện đáng kể về cơ sở hạ tầng Hành chính nội bộ, gồm có sự nối kết của IPv6 vào mạng nội bộ và các mạng không dây, chặt chẽ hơn việc phát hiện thư rác và sàng lọc các hòm thư điện tử và danh sách thư được quản lý bởi APNIC, và nâng cấp cơ bản phần mềm cơ sở dữ liệu whois.

### MyAPNIC

MyAPNIC cung cấp một giải pháp an ninh cho những người sử dụng tài khoản APNIC có thể tiếp cận thông tin cá nhân và các dịch vụ của APNIC. Dịch vụ này lần đầu tiên được đưa vào sử dụng năm 2002, hiện đang được không ngừng phát triển và đã được nâng cấp cơ bản trong năm 2003.

Những người sử dụng tài khoản APNIC giờ đây có thể dùng MyAPNIC để:

- xem và cập nhật các nguồn APNIC của tổ chức này;
- giám sát tỉ lệ phần trăm vùng địa chỉ dành cho khách hàng;
- xem các khoản thanh toán của các tài khoản hiện nay và các tài khoản trước đây;
- xem các thẻ hiện có của tổ chức được phân phối rộng rãi trong hệ thống thẻ thư điện tử APNIC;
- xem sự tham gia của nhân viên vào các khóa đào tạo và phiên họp của APNIC.

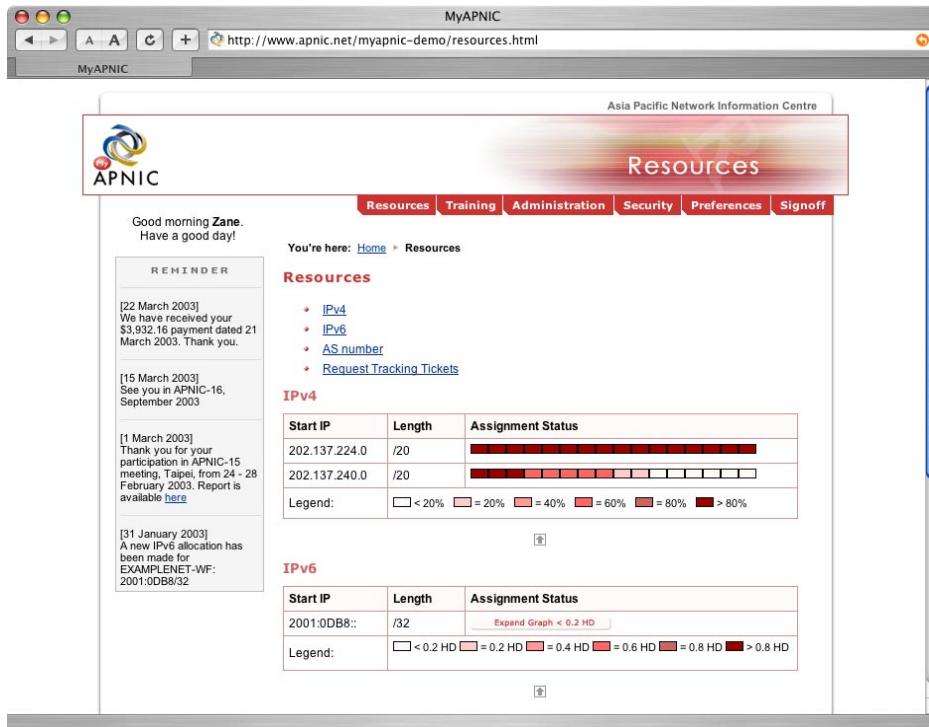
Hiện tại, APNIC đang lên kế hoạch sử dụng các chức năng bầu cử trực tuyến của MyAPNIC trong các cuộc bầu của APNIC tương lai.

Trong năm 2003, Ban thư ký APNIC đã giới thiệu một loại “liên hệ tập thể” mới để kiểm soát những đặc quyền hành chính đối với tất cả các khu vực của tài khoản MyAPNIC. Hơn 70% thành viên APNIC hiện có liên hệ tập thể đối với dịch vụ MyAPNIC.

Trong hoạt động liên quan, hệ thống Quản lý Phân phối, một hệ thống phụ trợ mà Ban thư ký APNIC sử dụng để quản lý các nguồn và tài khoản thành viên, cũng đã được nâng cấp cơ bản trong năm 2003.



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN APNIC 2003



MyAPNIC  
http://www.apnic.net/myapnic-demo/resources.html

Asia Pacific Network Information Centre

**Resources**

Resources Training Administration Security Preferences Signoff

Good morning Zane. Have a good day!

You're here: [Home](#) > Resources

**Resources**

- [IPv4](#)
- [IPv6](#)
- [AS number](#)
- [Request Tracking Tickets](#)

**IPv4**

Start IP	Length	Assignment Status
202.137.224.0	/20	
202.137.240.0	/20	

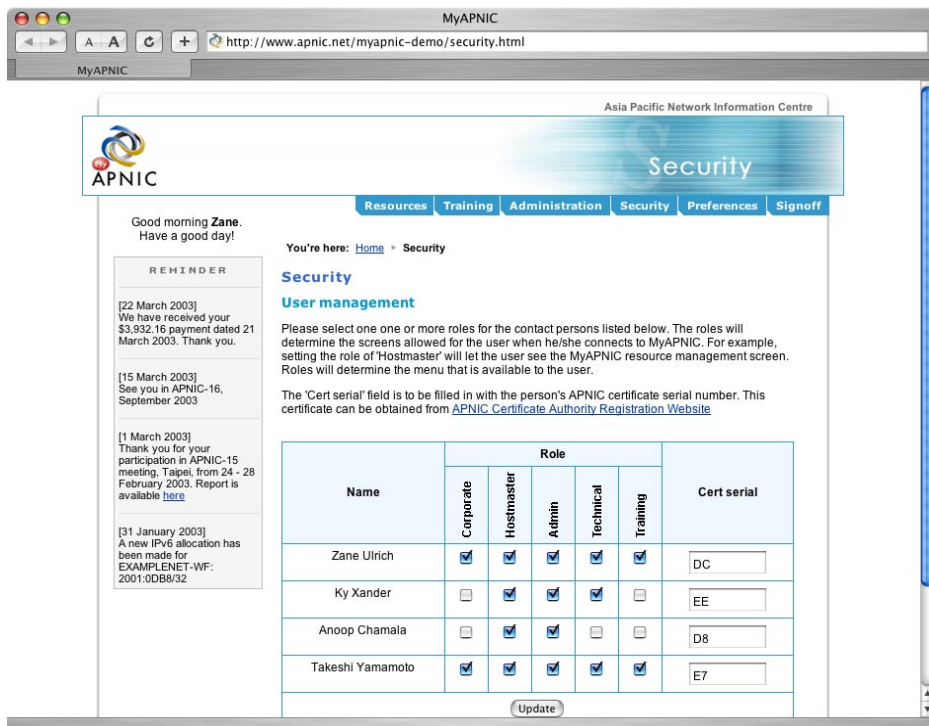
Legend:  < 20%  = 20%  = 40%  = 60%  = 80%  > 80%

**IPv6**

Start IP	Length	Assignment Status
2001:0DB8::	/32	<a href="#">Expand Graph &lt; 0.2 HD</a>

Legend:  < 0.2 HD  = 0.2 HD  = 0.4 HD  = 0.6 HD  = 0.8 HD  > 0.8 HD

MyAPNIC đem lại một phương pháp quản trị thông tin tài khoản và quản lý nguồn thuận tiện và an toàn.



MyAPNIC  
http://www.apnic.net/myapnic-demo/security.html

Asia Pacific Network Information Centre

**Security**

Resources Training Administration Security Preferences Signoff

Good morning Zane. Have a good day!

You're here: [Home](#) > Security

**Security**

**User management**

Please select one or more roles for the contact persons listed below. The roles will determine the screens allowed for the user when he/she connects to MyAPNIC. For example, setting the role of 'Hostmaster' will let the user see the MyAPNIC resource management screen. Roles will determine the menu that is available to the user.

The 'Cert serial' field is to be filled in with the person's APNIC certificate serial number. This certificate can be obtained from [APNIC Certificate Authority Registration Website](#)

Name	Role					Cert serial
	Corporate	Hostmaster	Admin	Technical	Training	
Zane Ulrich	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	DC
Ky Xander	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	EE
Anoop Chamala	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	D8
Takeshi Yamamoto	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	E7

Xin xem thêm thông tin về sử dụng MyAPNIC bao gồm phần trình bày mẫu Flash trực tiếp tại:  
<http://www.apnic.net/myapnic>



## Tình trạng nguồn

### Dự án chuyển giao đăng ký sớm (ERX)

Dự án chuyển giao hồ sơ đăng ký trong lịch sử từ Cơ sở dữ liệu ARIN Whois đến các RIR thích hợp bắt đầu thực hiện năm 2002, với việc chuyển giao các thông số AS. Năm 2003, 308 đăng ký mạng kế thừa loại B (/16) đã được chuyển giao cho Cơ sở dữ liệu Whois của APNIC như một phần dự án ERX. Dự án này nhằm phục vụ một cách hiệu quả hơn lợi ích của những thành viên đăng ký sớm cho phép các thành viên này làm việc với RIR trong khu vực của mình.

Legacy addresses were transferred from the following /8 address ranges

/8 range	No. of /16s	Transfer completed	/8 range	No. of /16s	Transfer completed
130.0.0.0/8	16	November 2003	155.0.0.0/8	9	November 2003
132.0.0.0/8	5	December 2003	158.0.0.0/8	10	October 2003
134.0.0.0/8	13	November 2003	159.0.0.0/8	12	October 2003
138.0.0.0/8	19	December 2003	162.0.0.0/8	5	July 2003
140.0.0.0/8	15	July 2003	163.0.0.0/8	44	April 2003
141.0.0.0/8	8	April 2003	164.0.0.0/8	17	July 2003
143.0.0.0/8	17	November 2003	165.0.0.0/8	28	August 2003
147.0.0.0/8	17	October 2003	166.0.0.0/8	10	August 2003
148.0.0.0/8	4	October 2003	167.0.0.0/8	11	July 2003
149.0.0.0/8	6	October 2003	168.0.0.0/8	19	August 2003
150.0.0.0/8	9	April 2003	169.0.0.0/8	3	September 2003
151.0.0.0/8	5	April 2003	170.0.0.0/8	4	August 2003
154.0.0.0/8	2	September 2003			

Theo dự kiến, dự án ERX sẽ được hoàn tất vào cuối năm 2004.

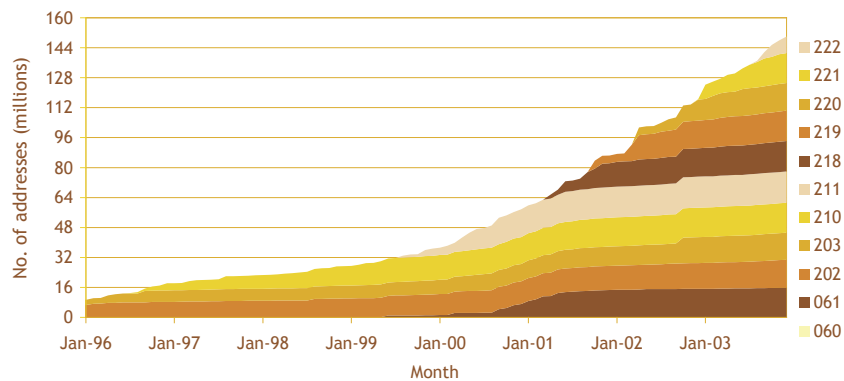
Legacy addresses from the following /8 ranges to be transferred in 2004

128.0.0.0/8	142.0.0.0/8	157.0.0.0/8
131.0.0.0/8	144.0.0.0/8	160.0.0.0/8
135.0.0.0/8	146.0.0.0/8	161.0.0.0/8
136.0.0.0/8	152.0.0.0/8	192.0.0.0/8
137.0.0.0/8	153.0.0.0/8	196.0.0.0/8
139.0.0.0/8	155.0.0.0/8	198.0.0.0/8

### Vùng địa chỉ IPv4

Nhu cầu đối với vùng địa chỉ IPv4 vẫn tiếp tục tăng – lượng phân phối IPv4 hiện nay của APNIC đã tăng từ 1,25 /8 trong năm 2002 lên 1,98 /8 trong năm 2003.

Total IPv4 allocations (cumulative, by /8 range)



Các bộ phận chức năng nghịch đảo IPv4: APNIC nhận đăng ký của 55.600 vùng IPv4 in-addr.arpa.

Trong năm 2003, APNIC đã nhận được những dải /8 sau đây từ IANA: 222/8 (tháng Hai) và 60/8 (tháng Tư).



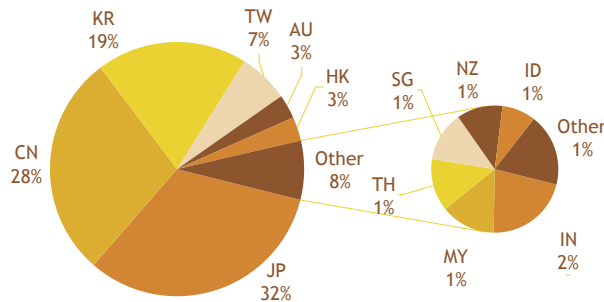
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN APNIC 2003

APNIC-administered IPv4 address space, allocated and available

/8 range	Allocated	Total	% Allocated	% Available
060	0	16777216	0.00%	100.00%
061	15831040	16777216	94.36%	5.64%
202	15133184	16777216	90.20%	9.80%
203	14538496	16777216	86.66%	13.34%
210	15958016	16777216	95.12%	4.88%
211	16711680	16777216	99.61%	0.39%
218	16241152	16777216	96.80%	3.20%
219	16302080	16777216	97.17%	2.83%
220	14999552	16777216	89.40%	10.60%
221	16015360	16777216	95.46%	4.54%
222	9216000	16777216	54.93%	45.07%
Totals	150946560	184549376	81.79%	18.21%

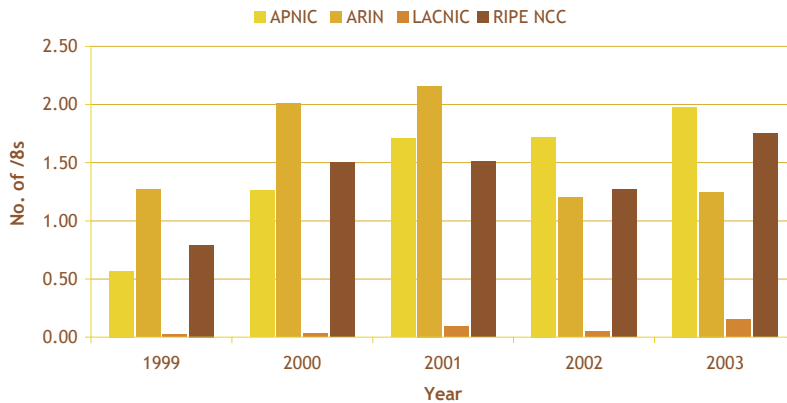
Lượng phân phối đối xứng của vùng địa chỉ IPv4 trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương vẫn giữ ở mức rất ổn định trong vài năm nay, trong đó Nhật, Trung Quốc và Hàn Quốc vẫn là những nước tiếp tục sử dụng nhiều nhất.

Total distribution of IPv4 allocations (by economy)

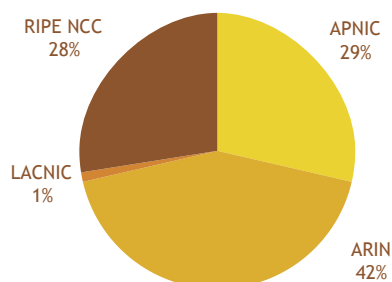


So với các báo cáo phân phối của các RIR khác, trong hai năm vừa qua, khu vực Châu Á Thái Bình Dương đã sử dụng nhiều vùng địa chỉ IPv4 hơn so với các khu vực khác và hiện nay khu vực này đang nắm giữ nhiều vùng địa chỉ hơn so với khu vực RIPE.

IPv4 allocations by RIRs (yearly comparison)



Total global distribution of IPv4 allocations (by RIR)

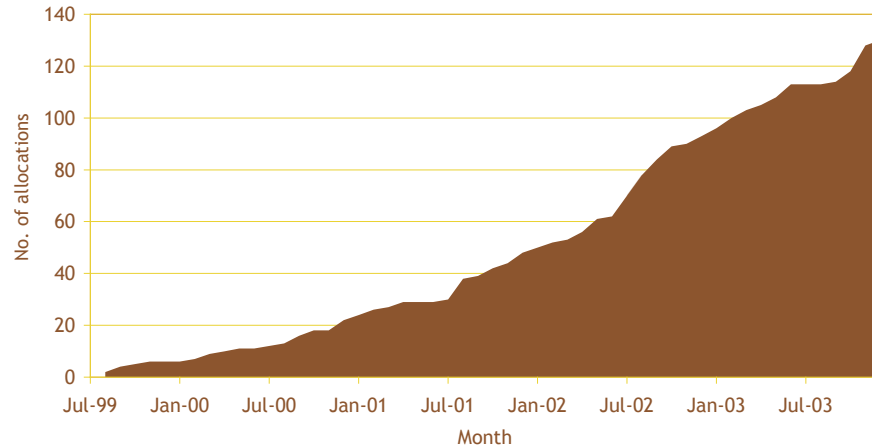




### Vùng địa chỉ IPv6

Lượng phân phối vùng địa chỉ IPv6 đã giảm xuống từ 45 trong năm 2002 còn 37 trong năm 2003, đưa tổng số lượng phân phối IPv6 do APNIC thực hiện đạt 130.

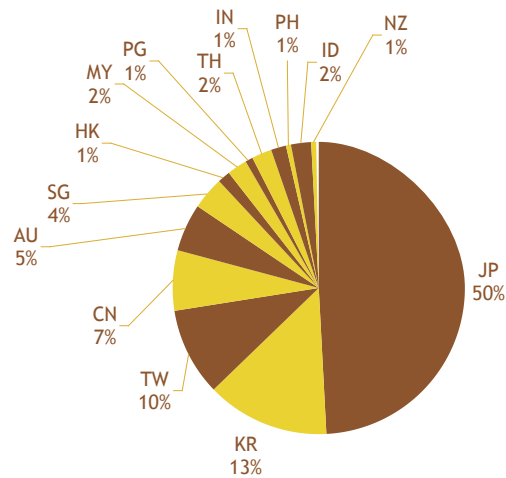
Total IPv6 allocations (cumulative)



Các bộ phận chức năng nghịch đảo của IPv6: APNIC nắm giữ đăng ký của 71 vùng ip6.arpa và 66 vùng ip6.int.

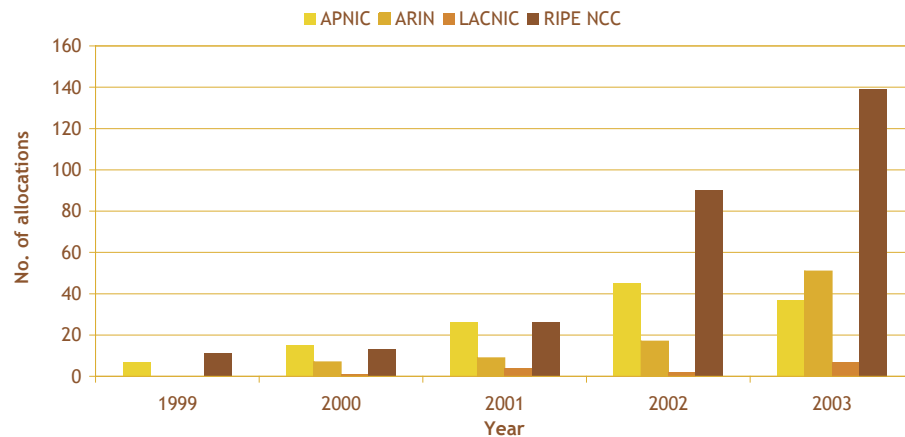
Trong năm 2003, số nền kinh tế Châu Á Thái Bình Dương sử dụng phân phối địa chỉ IPv6 tăng từ 10 lên 14. Nhật tiếp tục là nước sử dụng nhiều nhất vùng địa chỉ IPv6 trong khu vực.

Total distribution of IPv6 allocations (by economy)



Tính trên toàn cầu, khu vực Châu Á Thái Bình Dương thể hiện nhu cầu tương đối lớn đối với IPv6 trong ba năm đầu dịch vụ này được đưa và sử dụng. Tuy nhiên, mặc dù nhu cầu trong khu vực giảm sút trong năm 2003, nhu cầu sử dụng IPv6 lại gia tăng tại tất cả các khu vực khác, đặc biệt là khu vực RIPE và khu vực ARIN.

IPv6 allocations by RIRs (yearly comparison)

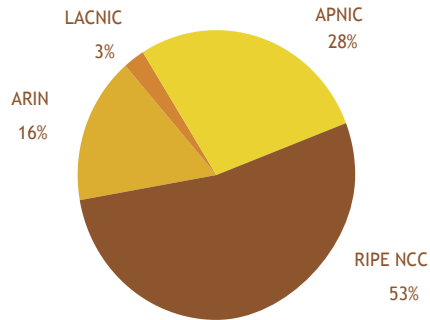






Khu vực RIPE hiện nay nắm giữ hơn nửa số phân phối IPv6, trong khi lượng phân phối do khu vực Châu Á Thái Bình Dương nắm giữ đã giảm từ 34% trong năm 2002 xuống còn 28% hiện nay.

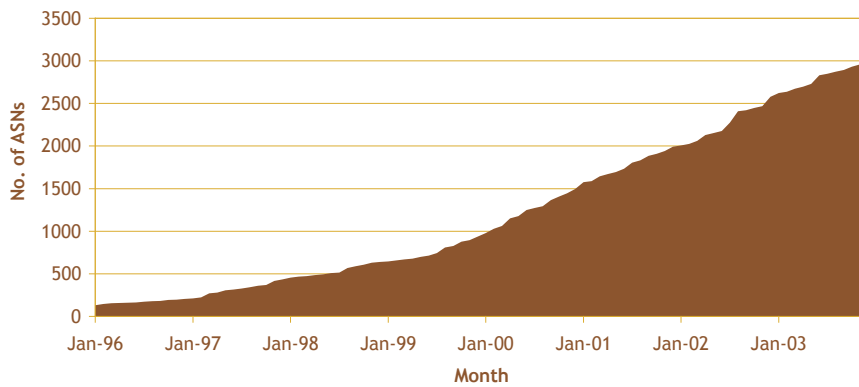
Total global distribution of IPv6 allocations (by RIR)



### Các thông số AS (ASN)

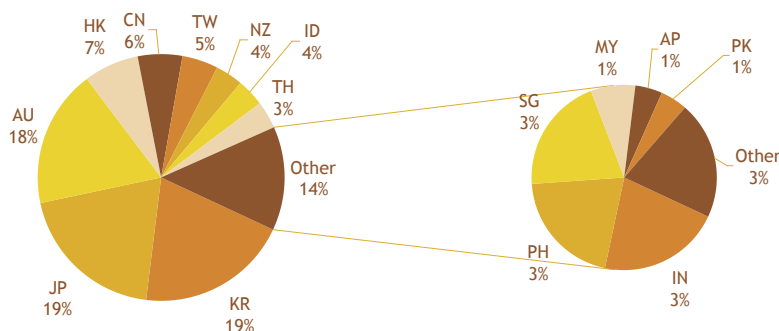
Nhu cầu đối với các thông số AS vẫn giữ mức ổn định trong khu vực trong vài năm qua, hiện nay đã thực sự giảm. APNIC đã chỉ định 403 ASN trong năm 2003, so với 584 vào năm ngoái.

Total ASN assignments (cumulative)



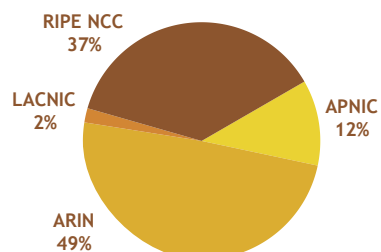
Lượng phân phối ASN thay đổi một chút so với lượng phân phối sử dụng địa chỉ IP. Hàn Quốc, Nhật, và Úc là những nước sử dụng ASN nhiều nhất.

Total distribution of ASNs (by economy)



Khu vực Châu Á Thái Bình Dương tiếp tục là khu vực sử dụng ASN ít hơn nhiều so với khu vực RIPE và khu vực ARIN.

Total global distribution of ASN assignments (by RIR)





## Financial reports

In 2003, welcome gains in membership growth were partially offset by fluctuations in exchange rates. Although most of the organisation's income is in US dollars, most of its expenses are in Australian (AU) dollars. Normally this works in favour of APNIC. However, in 2003, the decline of the US dollar altered the balance of the APNIC budget. In May, as a better picture of the world economy was forming, the EC directed the Secretariat to revise the annual budget to reflect the effect of the higher exchange rate.

Although 2003 was a difficult year for financial management, the approach taken by the EC and Secretariat ensured a balanced budget and the overall APNIC financial position remains firm. In fact, the increase in value of APNIC's cash reserve far exceeded the budget surplus. This was achieved by a restructuring of APNIC's capital reserve to take advantage of the exchange rate fluctuations.

### Consolidated statement of financial position

	Year end 2003 (US\$)	Year end 2002 (US\$)	% change from 2002
Exchange rate (*)	0.7521	0.5676	33%
<b>Current assets</b>			
Cash	3,716,177	4,107,546	-10%
Investment (term deposit)	2,256,300	1,135,200	99%
Receivables	364,395	287,522	27%
Advance payment	122,415	22,439	446%
Other	23,193	118,977	-81%
<b>Total current assets</b>	<b>6,482,480</b>	<b>5,671,684</b>	<b>14%</b>
<b>Non-current assets</b>			
Other financial assets	544,351	359,275	52%
Property, plant, and equipment	1,007,453	703,600	43%
Investment (term deposit)	752,100	0	100%
<b>Total non-current assets</b>	<b>2,303,904</b>	<b>1,062,875</b>	<b>117%</b>
<b>Total assets</b>	<b>8,786,384</b>	<b>6,734,559</b>	<b>30%</b>
<b>Current liabilities</b>			
Accrued expenses	397,155	273,425	45%
GST withholding	11,623	9,511	22%
Provisions	127,877	106,590	20%
Unearned revenue	1,961,779	1,653,192	19%
<b>Total liabilities</b>	<b>2,498,434</b>	<b>2,042,718</b>	<b>22%</b>
<b>Equity</b>			
Share capital	0.75	0.57	33%
Retained earnings	6,287,949	4,691,841	34%
<b>Total equity</b>	<b>6,287,950</b>	<b>4,691,841</b>	<b>34%</b>
<b>Total liabilities &amp; equity</b>	<b>8,786,384</b>	<b>6,734,559</b>	<b>30%</b>

#### Notes:

- The consolidated statement of financial position, activities, and cashflows of APNIC Pty Ltd are translated into US\$.
- For a better understanding of APNIC Pty Ltd's financial position and performance, as represented by the results of its operations and its cashflows for the financial year ended 31 December 2003, the consolidated statement of financial position, activities, and cashflows should be read in conjunction with the annual statutory financial report and the audit report contained therein.
- The amounts in this APNIC financial report are expressed in US\$. The exchange rate used to convert AU\$ amounts to US\$ in this report (0.7521), is based on the notes spot rate as at 31 December 2003 as provided by the Australian Taxation Office.



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN APNIC 2003

### Consolidated statement of activities

	2003 (US\$)	2002 (US\$)	% change from 2002
Exchange rate (*)	0.6538	0.5468	20%
<b>Revenue</b>			
Membership fees	3,409,078	2,871,723	19%
Per allocation fees	418,275	422,534	-1%
Non-member fees	80,994	66,105	23%
IP resource application fees	351,845	293,459	20%
Sundry income	31,319	20,674	51%
Interest received	195,950	139,992	40%
<b>Sub-total</b>	<b>4,487,461</b>	<b>3,814,487</b>	<b>18%</b>
Exchange rate gain/(loss)	(573,846)	(218,710)	162%
<b>Total revenue</b>	<b>3,913,615</b>	<b>3,595,777</b>	<b>9%</b>
<b>Expenditure</b>			
ICANN contract fees	115,622	123,245	-6%
Donation, contribution and sponsorship	17,110	41,244	-59%
Communication expenses	139,823	89,036	57%
Membership fees	31,712	63,896	-50%
Professional fees	274,106	190,955	44%
Meeting and training expenses	70,014	66,268	6%
Rent	191,427	123,364	55%
Salaries	1,660,573	1,208,400	37%
Other operating expenses	1,106,419	880,899	26%
Depreciation expense	208,676	114,491	82%
<b>Total expenditure</b>	<b>3,815,482</b>	<b>2,901,798</b>	<b>31%</b>
<b>Operating surplus/(loss) before income tax expense</b>	<b>98,133</b>	<b>693,979</b>	<b>-86%</b>
Income tax expense	36,398	(96,052)	-138%
<b>Operating surplus/(loss) after income tax expense</b>	<b>61,735</b>	<b>790,031</b>	<b>-92%</b>

#### Notes:

- The exchange rate used to convert AU\$ amounts to US\$ in this report (0.6538), is based on the average monthly average rate for year 2003 as provided by the Australian Taxation Office.

**Consolidated statement of cashflows**

For the year ended 31 December 2003

	2003 (US\$)	2002 (US\$)
<b>Cash flows from operating activities:</b>		
Receipts from members and customers	3,620,069	3,583,799
Payments to suppliers and employees	(3,447,970)	(2,593,543)
	<u>172,099</u>	<u>990,256</u>
Interest received	170,938	124,227
Income tax (paid) / received	45,735	(93,950)
<b>Net cash inflow from operating activities</b>	<u><b>388,772</b></u>	<u><b>1,020,533</b></u>
<b>Cash flows from investing activities:</b>		
Payments for equipment/furniture/office improvement	(642,758)	(342,765)
Payments for investment, long term deposits	(2,058,276)	(592,390)
Proceeds from sale of property, plant and equipment	0	867
<b>Net cash outflow from investing activities</b>	<u><b>(2,701,034)</b></u>	<u><b>(934,288)</b></u>
<b>Net increase/ (decrease) in cash held:</b>	<u><b>(2,312,262)</b></u>	<u><b>86,245</b></u>
Cash at the beginning of the financial year	<b>4,107,546</b>	<b>3,696,387</b>
Effects of exchange rate changes on cash	1,920,893	324,914
<b>Cash reserve at the end of the financial year</b>	<u><b>3,716,177</b></u>	<u><b>4,107,546</b></u>